



**BỘ XÂY DỰNG  
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

**THÔNG TIN**

**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

**7**

**Tháng 4 - 2009**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG KIỂM TRA CÁC DỰ ÁN  
XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO NGƯỜI THU NHẬP THẤP  
TẠI HÀ NỘI VÀ TỈNH VĨNH PHÚC  
(Ngày 27/3/2009)**



Ông Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên TƯ Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Ông Trịnh Đình Dũng - Ủy viên TƯ Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc trao đổi về Dự án nhà ở cho người thu nhập thấp ở TP. Vĩnh Yên



Khu nhà ở xã hội của thành phố Hà Nội tại Kim Chung, Đông Anh do Tổng Công ty Vinaconex xây dựng

THÔNG TIN  
**XÂY DỰNG CƠ BẢN  
& KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ  
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG  
**MỖI THÁNG 2 KỶ**

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH  
**NĂM THỨ CHÍN**

**7**

**SỐ 7 - 4/2009**

## MỤC LỤC

### Văn bản quản lý

#### Văn bản các cơ quan TW

- Thông tư số 03/2009/TT – BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình 5
- Quyết định số 342/QĐ - BXD của Bộ Xây dựng ban hành tạm thời Quy chế Quản lý người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác của các Tổng công ty, Công ty độc lập trực thuộc Bộ Xây dựng 7
- Thông tư số 36/2009/TT- BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi 8
- Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC – BTN & MT của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên & Môi trường hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản 10

#### Văn bản của địa phương

- Quyết định số 377/2009/QĐ - UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng 11
- Quyết định số 55/2009/QĐ- UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội 12



**TRUNG TÂM THÔNG TIN**

TRỤ SỞ : 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc\_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ : 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

## CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

**TS. ĐẶNG KIM GIAO**

### **Ban biên tập:**

THS.KTS. NGUYỄN HÙNG OANH

(**Trưởng ban**)

CN. BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

KS. HUỠNH PHƯỚC

CN. ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGHIÊM THỊ THÚY GIANG

- Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố 13 Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội

### **Khoa học công nghệ xây dựng**

- Nghiệm thu đề tài:

+ *Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa phủ sàn tự san 16 phẳng trên cơ sở xi măng – Polyme (Mã số: RD 54-07)*

+ *Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và 17 đổ thải phân bùn bể tự hoại cho các đô thị Việt Nam*

+ *Bảo vệ công trình xây dựng – Phương pháp diệt và 19 phòng mối cho công trình xây dựng đang sử dụng (Mã số: TC 51-08)*

- Hội thảo khoa học: “Công nghệ mới - sản phẩm mới của 20 ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển”

- Hội thảo quốc gia: Công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu 21 công nghiệp

- Ảnh hưởng của công nghệ Nano đến sức khỏe 23 con người và môi trường

- Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên 26 ngành xây dựng được công nhận trong tháng 3-2009

- Công nghệ tiến tiến xây dựng nhà ở thấp tầng 29 ở nước Cộng hoà Belarus

- Tin xây dựng quốc tế qua mạng internet 32

### **Thông tin**

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng kiểm tra kết quả thực hiện dự án 34 xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại Hà Nội và tỉnh Vĩnh Phúc

- Lễ ký biên bản hợp tác sản xuất chương trình giữa Công ty 35 cổ phần Công nghệ & Truyền thông VIT và Báo Xây dựng

- Tổng Công ty xi măng Việt Nam sơ kết công tác sản xuất 36 - kinh doanh Quý I/2009

- Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị kỷ niệm 01 37 năm ngày ra mắt và sơ kết công tác Quý I/2009

- Hội nghị Mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố 39

- Thành phố Nha Trang được đề nghị công nhận 42 là đô thị loại I

- Thành phố Long Xuyên được đề nghị công nhận 42 là đô thị loại II

- Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế 44 Vân Đồn giai đoạn 2009 - 2020, tầm nhìn đến 2030

- Phân tích sơ lược về Nguyên tắc lựa chọn quyết sách đầu 46 thầu công trình xây dựng của Trung Quốc



## VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

### **Thông tư số 03/2009/TT - BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình**

Ngày 26/3/2009, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2009/TT - BXD quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Nghị định 12/CP).

#### *Về xác định chủ đầu tư:*

Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư thì người quyết định đầu tư giao cho đơn vị quản lý, sử dụng công trình làm chủ đầu tư. Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện để tổ chức triển khai thực hiện dự án thì người quyết định đầu tư giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Đơn vị quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với đơn vị được giao làm chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

Trường hợp không xác định được đơn vị để giao làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư đồng thời làm chủ đầu tư. Người quyết định đầu tư giao cho Ban quản lý dự án do mình quyết định thành lập làm chủ đầu tư nếu Ban quản lý dự án đó có tư cách pháp nhân và có đủ điều kiện tổ chức triển khai thực hiện dự án hoặc người quyết định đầu tư thực hiện uỷ thác thông qua hợp đồng với một tổ chức có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

*Về thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình:*

- Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Sau khi tiếp nhận hồ sơ dự án của chủ đầu tư, đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan đến dự án; tổng hợp các nội dung thẩm định, ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở và ý kiến của các cơ quan khác có liên quan; nhận xét, đánh giá, kiến nghị và trình người quyết định đầu tư phê duyệt dự án.

- Đối với dự án sử dụng các nguồn vốn khác: Người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án. Đơn vị đầu mối thẩm định dự án do người quyết định đầu tư chỉ định. Khi thẩm định dự án người quyết định đầu tư phải lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan đến dự án theo quy định của pháp luật.

*Về thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình*

- Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình để trình người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt. Trường hợp cần thiết thì chủ đầu tư có thể thuê tư vấn thẩm tra để làm cơ sở cho việc thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình. Các nội dung quản lý nhà nước về xây dựng được thực hiện thông qua việc cấp giấy phép xây dựng.

Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo kinh tế – kỹ thuật trước

khi phê duyệt. Đơn vị đầu mối thẩm định Báo cáo kinh tế – kỹ thuật là đơn vị chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư.

- Đối với công trình sử dụng các nguồn vốn khác: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế – kỹ thuật và chịu trách nhiệm về những nội dung phê duyệt của mình. Các nội dung quản lý nhà nước về xây dựng sẽ được thực hiện thông qua việc cấp giấy phép xây dựng.

*Về Giấy phép xây dựng:*

- Công trình không phải xin giấy phép xây dựng bao gồm: Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt; Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư; trừ công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế – kỹ thuật.

- Việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện. Căn cứ tính chất, đặc điểm và thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng của từng khu vực, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng tạm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Trong nội dung giấy phép xây dựng tạm phải ghi rõ thời gian được phép tồn tại của công trình, hết thời hạn quy định trong giấy phép xây dựng tạm nếu Nhà nước chưa giải phóng mặt bằng thì công trình được phép tồn tại cho đến khi Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch, khi đó chủ đầu tư phải tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình.

*Về Giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn:*

Đối với các trung tâm xã, cụm xã nếu có hướng phát triển thành đô thị, nhưng chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt, thì Ủy ban nhân dân huyện phải đưa ra các quy định để làm căn cứ cho việc cấp giấy phép xây dựng và

quản lý trật tự xây dựng theo quy định. Sơ đồ mặt bằng công trình phải thể hiện rõ các kích thước và diện tích chiếm đất của ngôi nhà, các công trình trên lô đất, khoảng cách tới các công trình xung quanh và các điểm đấu nối điện, thông tin liên lạc, cấp - thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng bên ngoài (nếu có). Trên bản vẽ phải ghi rõ tên chủ nhà, địa chỉ nơi ở, địa điểm xây dựng và tên, địa chỉ người vẽ sơ đồ đó.

Khi có nhu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng công trình khác với nội dung giấy phép xây dựng đã được cấp về: vị trí xây dựng công trình, cốt nền xây dựng công trình; các chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; diện tích xây dựng; tổng diện tích sàn; chiều cao công trình; số tầng (đối với công trình dân dụng) và những nội dung khác được ghi trong giấy phép xây dựng, chủ đầu tư phải xin điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thi công xây dựng công trình theo nội dung điều chỉnh. Những thay đổi khác thì không phải xin điều chỉnh giấy phép xây dựng đã cấp. Cơ quan đã cấp giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép xây dựng và chịu trách nhiệm về nội dung cho phép điều chỉnh giấy phép xây dựng. Nội dung điều chỉnh giấy phép xây dựng được ghi bổ sung vào mục “gia hạn, điều chỉnh” hoặc bằng phụ lục kèm theo Giấy phép xây dựng đã cấp cho chủ đầu tư.

Những công trình xây dựng thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 19 của Nghị định 12/CP, trước khi khởi công xây dựng chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo các bản vẽ mặt bằng xây dựng, mặt bằng móng, mặt đứng chính công trình cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã biết, để theo dõi và quản lý theo quy định. Đối với công trình phải lập dự án thì ngoài các tài liệu nêu trên, còn phải gửi văn bản tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, chủ đầu tư căn cứ quy mô, tính chất của dự án và điều kiện hoàn cảnh thực tế của cơ quan, đơn vị mình để lựa chọn hình thức, mô hình tổ chức quản lý thực hiện dự án sau đây cho phù hợp. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn khác thì chỉ khuyến khích tham khảo, áp dụng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11/5/2009 và thay thế Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy

phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ. Những quy định trước đây về xác định chủ đầu tư; thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; cấp giấy phép xây dựng; phá dỡ công trình; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trái với những quy định tại Nghị định 12/CP và Thông tư này đều bãi bỏ.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

### **Quyết định số 342/QĐ - BXD của Bộ Xây dựng ban hành tạm thời Quy chế Quản lý người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác của các Tổng công ty, Công ty độc lập trực thuộc Bộ Xây dựng**

Ngày 31/3/2009, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 342/QĐ - BXD ban hành tạm thời Quy chế Quản lý người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác của các Tổng công ty, Công ty độc lập trực thuộc Bộ Xây dựng. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Quy chế này quy định việc quản lý người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác của các Tổng công ty, Công ty độc lập trực thuộc Bộ Xây dựng, bao gồm: Tiêu chuẩn; quy trình, thủ tục cử, thay thế người đại diện; Quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ của người đại diện; Tiền lương, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện; Chế độ báo cáo của người đại diện; Khen thưởng và xử lý vi phạm người đại diện.

Đối tượng áp dụng Quy chế này là các Tổng công ty, Công ty độc lập trực thuộc Bộ Xây dựng (gọi chung là Tổng công ty) có vốn góp tại các doanh nghiệp khác; Người được Tổng công ty cử đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ, các Công ty con của Tổng công ty có thể nghiên

cứu, vận dụng quy định tại Quy chế này để lựa chọn, quản lý người đại diện phần vốn của mình tại các doanh nghiệp khác cho phù hợp.

Theo Quy chế này, người đại diện phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khoẻ đảm đương nhiệm vụ được giao; hiểu biết về pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật và quy định của Tổng công ty; có trình độ từ đại học trở lên về lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp khác; có năng lực, kinh nghiệm tối thiểu là 03 năm về lĩnh vực sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý, điều hành doanh nghiệp phù hợp với vị trí công tác dự kiến bố trí tại doanh nghiệp khác. Đối với người được cử làm đại diện tại doanh nghiệp khác là Công ty liên doanh, hợp tác kinh doanh với nước ngoài còn phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài, không cần phải thuê phiên dịch; Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Những đối tượng không được tuyển chọn làm người đại diện bao gồm:

- Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của những người là: đại diện chủ sở hữu của Tổng công ty, công ty độc lập; các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty, Giám đốc công ty độc lập.

- Có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua, bán với doanh nghiệp có vốn của Tổng công ty mà người đó được giao đại diện phần vốn góp, trừ trường hợp có cổ phần tại doanh nghiệp cổ phần hoá.

- Các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Người đại diện được cử, giới thiệu vào các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp khác phải đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện sau: Có

đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này; Có đủ tiêu chuẩn và điều kiện tương ứng như thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty nhà nước được quy định tại Điều 24, Điều 31 Luật Doanh nghiệp nhà nước năm 2003; Quyết định số 25/QĐ-BXD ngày 10/01/2003 của Bộ Xây dựng và theo quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp khác.

Các đối tượng không được cử, giới thiệu vào các chức danh thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp khác bao gồm: các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty, Giám đốc Công ty độc lập. Trường hợp cần thiết phải có ý kiến chấp thuận của Bộ Xây dựng.

(Xem toàn văn tại: [www.moc.gov.vn](http://www.moc.gov.vn))

### **Thông tư số 36/2009/TT- BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi**

Ngày 26/2/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 36/2009/TT- BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

Theo đó, mức thu thủy lợi phí, tiền nước được quy định như sau:

- Đối với công trình đầu tư bằng nguồn vốn NSNN, mức thu được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 19 sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP.

UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương căn cứ vào kết cấu hệ thống công trình thủy lợi và hướng dẫn của Bộ NN & PTNT quy định vị trí cống đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước làm căn cứ xác định phạm vi thủy lợi phí phải nộp theo quy định của nhà nước gắn với trách nhiệm và chi phí vận hành, duy tu, sửa chữa công trình thủy lợi của tổ chức quản lý công trình thủy lợi và phạm vi thu phí dịch vụ lấy nước với trách nhiệm quản lý, sửa chữa hệ thống kênh nội đồng của tổ chức hợp tác dùng nước.

- Mức thu thủy lợi phí các công trình đầu tư bằng nguồn không thuộc NSNN hoặc có một phần vốn NSNN quy định tại khoản 4 Điều 19 sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP do đơn vị quản lý khai thác công



trình thủy lợi thoả thuận với hộ dùng nước.

Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi lập báo cáo diện tích và mức thu thoả thuận để gửi Sở Tài chính và Sở NN & PTNT thẩm định. Sở Tài chính chủ trì cùng Sở NN & PTNT căn cứ vào thực tế nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, diện tích, biện pháp tưới tiêu, chi phí quản lý, vận hành công trình thủy lợi để thẩm định và trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt mức thủy lợi phí thoả thuận của từng công trình thủy lợi.

Đối tượng miễn thủy lợi phí là hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối. Phạm vi miễn thủy lợi phí được quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 19 sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP; cụ thể là diện tích mặt đất, mặt nước dùng vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối, bao gồm diện tích: Đất, mặt nước được nhà nước giao cho các hộ gia đình cá nhân; Đất, mặt nước được thừa kế, cho, tặng; Đất, mặt nước mà các hộ gia đình cá nhân chuyển nhượng hợp pháp; Đất, mặt nước các gia đình, cá nhân được giao hoặc đấu thầu quyền sử dụng đất 5% công ích do địa phương quản lý.

Tổng diện tích đất, mặt nước nêu trên của mỗi hộ, cá nhân nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp thuộc phạm vi được miễn thủy lợi phí. Phần diện tích vượt hạn mức giao đất nông nghiệp thì không được miễn thủy lợi phí. Đối với các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo qui định của Chính phủ được miễn thủy lợi phí đối với toàn bộ diện tích đất, mặt nước nêu trên, không phân biệt trong hay vượt hạn mức giao đất. Đối với diện tích đất, mặt nước các hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán của các doanh nghiệp, nông, lâm trường không thuộc phạm vi được miễn thủy lợi phí.

Các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu nước cho diện tích được miễn thủy lợi phí được ngân sách cấp bù kinh phí miễn thủy lợi phí,

bao gồm: Các Công ty nhà nước, công ty TNHH một thành viên nhà nước sở hữu 100% vốn, công ty cổ phần và các công ty khác tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; Các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý và khai thác công trình thủy lợi gồm: Trung tâm quản lý, khai thác công trình thủy lợi, Ban quản lý, khai thác công trình thủy lợi, Trạm quản lý, khai thác công trình thủy lợi; Các tổ chức hợp tác dùng nước: Ban quản lý thủy nông, tổ đường nước, đội thủy nông, hội dùng nước, hiệp hội dùng nước, HTX nông nghiệp, tổ hợp tác được cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc đồng ý cho thành lập, hoặc có giấy phép đăng ký kinh doanh, hoặc được đại hội xã viên thông qua quy chế, điều lệ hoạt động. Cơ quan thành lập, hoặc đồng ý cho thành lập là UBND cấp huyện. UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho UBND cấp xã nơi đơn vị đóng trụ sở chính quyết định thành lập hoặc đồng ý thành lập; Các tổ chức khác được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Ngân sách trung ương cấp kinh phí miễn thủy lợi phí cho các đơn vị quản lý thủy nông trung ương 100% số thủy lợi phí được miễn và hỗ trợ kinh phí cho ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thanh toán số thủy lợi phí được miễn cho các đơn vị thủy nông địa phương.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 26/2008/TT/BTC ngày 28/3/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 154/2007/NĐ - CP ngày 15/10/2007 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ - CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

**(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))**

**Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT-BTC - BTN &MT  
của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên & Môi trường  
hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết  
toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với các nhiệm vụ  
chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản**

Ngày 5/3/2009, Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư liên tịch số 40/2009/TTLT - BTC - BTN &MT hướng dẫn hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế do NSNN bảo đảm để thực hiện các nhiệm vụ chi thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản, bao gồm: nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và các nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi cho các nhiệm vụ, dự án thuộc lĩnh vực địa chất và tài nguyên khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách của các cấp có thẩm quyền, tình hình thực hiện dự toán năm trước, nội dung và khối lượng công việc cần thực hiện trong năm kế hoạch, định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và các quy định tại Thông tư này. Ở trung ương, các đơn vị dự toán trực thuộc các Bộ được giao thực hiện, lập dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, dự án kèm bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán báo cáo Bộ chủ quản xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Bộ gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Chính phủ trình Quốc hội theo quy định; ở địa phương, các đơn vị dự toán được giao thực hiện lập dự toán kinh phí chi tiết theo từng nhiệm vụ, dự án kèm bản thuyết minh chi tiết căn cứ tính toán báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan chủ quản gửi cơ

quan tài chính cùng cấp báo cáo UBND để trình HĐND cùng cấp theo quy định.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, các Bộ lập phương án phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán trực thuộc được giao thực hiện gửi Bộ Tài chính để xem xét, thẩm tra theo quy định hiện hành. Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, các Bộ giao dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước cùng cấp, Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện. Đơn vị dự toán cấp II giao dự toán cho các đơn vị dự toán cấp III thực hiện, chi tiết theo các nhiệm vụ, dự án.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, cơ quan chủ quản lập phương án phân bổ kinh phí cho các đơn vị dự toán trực thuộc được giao thực hiện gửi cơ quan tài chính cùng cấp để xem xét, thẩm tra theo quy định hiện hành. Sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan chủ quản giao dự toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc được giao thực hiện nhiệm vụ, dự án, đồng gửi cơ quan tài chính và Kho bạc nhà nước cùng cấp.

Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch. Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện kiểm soát chi theo quy định hiện hành và quy định tại Thông tư này.

Đối với phần kinh phí đã tạm ứng nhưng không có khối lượng thanh toán hoặc có khối lượng thanh toán nhưng không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, đơn vị phải nộp trả kinh phí cho ngân sách nhà nước theo chế độ quy định.

Việc xử lý số dư cuối năm kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện nhiệm vụ, dự án điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính về công tác khoá sổ kế toán cuối năm và lập, báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ

ngày ký ban hành, thay thế Thông tư liên tịch số 37/2007/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 11/4/2007 của Liên Bộ Tài chính - Bộ TN & MT hướng dẫn lập dự toán, quản lý và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

## **Quyết định số 377/2009/QĐ - UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

Ngày 05/3/2009, UBND tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định số 377/2009/QĐ-UBND ban hành “Quy định quản lý, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng”. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2011/2008/QĐ-UBND, ngày 24/9/2008 của UBND tỉnh.

Đối tượng áp dụng của Quyết định này là các cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản, các tổ chức, cá nhân hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Đối với hoạt động chế biến cát, cuội, sỏi lòng sông phải có đủ các điều kiện qui định tại Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng.

Khu vực cấm hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông bao gồm: Đoạn sông có sa khoáng vàng hoặc sa khoáng các khoáng sản rắn khác có giá trị cao hơn; Khu vực thuộc vùng hành lang bảo vệ của các công trình trên sông (cách chân công trình 100m về thượng, hạ lưu) và dọc 2 bên bờ sông; Khu vực đã được khoanh

vùng cấm khai thác cát, cuội, sỏi; Khu vực thuộc phạm vi bảo vệ các công trình Thuỷ lợi, Thuỷ điện theo quy định tại Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10, ngày 04/4/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi; Khai thác ảnh hưởng đến đất nông nghiệp, khai thác không theo quy hoạch.

Theo Quyết định này, UBND tỉnh là cơ quan thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động cát, cuội, sỏi lòng sông trên địa bàn của tỉnh tại các khu vực không thuộc vùng cấm, không nằm trong quy hoạch khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi của cả nước hoặc không thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia.

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản cát, cuội, sỏi có trách nhiệm trình UBND tỉnh ban hành các văn bản hướng dẫn, thường trực hội đồng đánh giá trữ lượng cát, cuội, sỏi trình UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng, tổ chức khoanh vùng, xác định khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông trình UBND tỉnh phê duyệt, tiếp nhận và thẩm định; trình UBND tỉnh cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông hoặc trả lời

chủ đơn không được cấp giấy phép; chủ trì tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, xử lý (hoặc đề xuất xử lý) các vi phạm pháp luật về khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông.

Sở Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông, có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi và chỉ đạo, kiểm tra thực hiện; xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành quy trình, công nghệ khai thác, chế biến cát, cuội, sỏi và giám sát, kiểm tra việc thực hiện.

UBND cấp huyện, cấp xã quản lý nhà nước về cát, cuội, sỏi thuộc phạm vi hành chính, có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên bảo đảm an toàn trong hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi, kiểm tra và xử lý hoặc đề xuất xử lý các vi phạm theo quy định; phối hợp khoanh vùng, xác định ranh giới khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản cát,

cuội, sỏi lòng sông; Đảm bảo an toàn trật tự xã hội, an toàn các công trình trên sông và dọc 2 bên bờ sông khu vực khai thác; tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông.

Phòng Tài nguyên và môi trường huyện, thị có trách nhiệm tham mưu cho UBND huyện, thị thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND huyện, thị; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện giấy phép đã được cấp; Hướng dẫn, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân làm thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông.

Đối với các giấy phép hoạt động khoáng sản cát, cuội, sỏi lòng sông được cấp đúng quy định của pháp luật còn thời hạn tiếp tục có hiệu lực đến khi giấy phép hết hạn.

(Xem toàn văn tại: [tnmtcaobang.gov.vn](http://tnmtcaobang.gov.vn))

### **Quyết định số 55/2009/QĐ- UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội**

Ngày 17/3/2009, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 55/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về đảm bảo trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng các công trình tại thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 14/2007/QĐ-UBND ngày 19/1/2007 của UBND thành phố Hà Nội (cũ); các quy định của UBND tỉnh Hà Tây (cũ); của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (áp dụng đối với huyện Mê Linh); của UBND tỉnh Hoà Bình (áp dụng đối với các xã: Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung).

Quy định này quy định việc đảm bảo trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình (không phân biệt quy mô, nguồn vốn đầu tư); quá trình vận chuyển cấu

kiện, vật liệu xây dựng, phế thải xây dựng của các tổ chức, cá nhân khi đầu tư xây dựng các công trình trong nội thành, nội thị, các khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao dân cư tập trung, điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch được duyệt trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư, tổ chức tư vấn khi lập dự án phải khảo sát hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình trên mặt bằng thi công và các công trình liên kế để có biện pháp đảm bảo an toàn các công trình đã có. Nếu phải di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật, chủ đầu tư phải liên hệ với cơ quan quản lý hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành để được hướng dẫn và thống nhất biện pháp di chuyển.

Các dự án thuộc diện phải lập Báo cáo đánh

giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 thì chủ đầu tư phải lập đề trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật trước khi tiến hành các thủ tục phê duyệt dự án hoặc trước khi xin cấp Giấy phép xây dựng công trình (đối với trường hợp không phải làm thủ tục phê duyệt dự án).

Đối với công trình xây xen, trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư phải thông báo cho chính quyền cơ sở, chủ công trình liền kề về quy mô, thời gian xây dựng công trình, các biện pháp tổ chức khảo sát, thi công công trình bảo đảm an toàn, cam kết đền bù khi việc thi công làm hư hỏng công trình liền kề. Chủ đầu tư có trách nhiệm khảo sát hiện trường và lập Hồ sơ khảo sát hiện trạng công trình liền kề.

Công tác thiết kế phải tuân thủ theo các quy định tại Điều 52 Luật Xây dựng và những quy định sau:

- Các giải pháp thiết kế phải tuân thủ theo quy chuẩn XDVN và các tiêu chuẩn xây dựng được phép áp dụng, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về hành lang bảo vệ các công trình giao thông, đường sắt, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di tích lịch sử văn hoá và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật; phù hợp với điều kiện thi công tại địa điểm xây dựng công trình; đảm bảo trật tự an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ; hạn chế sử dụng các cấu kiện chế tạo sẵn có kích thước và trọng lượng quá lớn vào nội thành, nội thị.

- Trước khi khởi công xây dựng, nhà thầu phải lập thiết kế biện pháp thi công bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường theo quy định và trình chủ đầu tư phê duyệt. Biện pháp thi công phải đảm bảo trật tự công cộng, vệ sinh môi trường, an toàn cho người và tài sản của công trình xây dựng và các công trình liền kề trong mọi điều kiện, tuân thủ các quy định về biện pháp giảm bụi theo quy định của UBND thành phố Hà Nội. Đối với các công việc, hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt, có kỹ thuật phức tạp, xây dựng công trình nhà cao tầng có tầng hầm, xây dựng các công trình có nguy cơ tiềm ẩn làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận khác, trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng, nhà thầu thiết kế phải thực hiện theo các quy định tại khoản 7 Điều 8 của Quy định này.

Trước khi khởi công xây dựng ít nhất 07 ngày làm việc, chủ đầu tư phải thực hiện thông báo khởi công cho UBND phường, xã, thị trấn, cơ quan cấp phép xây dựng và Sở quản lý các công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện việc quản lý, kiểm tra trong quá trình thi công xây dựng.

Quá trình thi công phải đảm bảo an toàn theo các yêu cầu tại Điều 78 Luật Xây dựng, Điều 33 Nghị định số 16/2005/NĐ-CP của Chính phủ và các yêu cầu được nêu tại Điều 8 của Quy định này.

(Xem toàn văn tại: [www.vietnam.gov.vn](http://www.vietnam.gov.vn))

### **Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý, xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Ngày 27/3/2009, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về quản lý, xây dựng

công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56/2009/QĐ-UBND quy định về việc hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội; bao gồm quản lý, xây dựng, cải tạo các công trình đường dây, cáp ngầm và xây dựng, cải tạo, sắp xếp lại các đường dây, cáp đi nổi chưa đủ điều kiện hạ ngầm.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động quản lý, sử dụng, đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị; các đơn vị sở hữu, quản lý, sử dụng đường dây, cáp đi ngầm, đi nổi, quản lý cột trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Một số nguyên tắc chung được áp dụng trong Quy định này bao gồm:

- Việc xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp đi nổi phải thực hiện theo các quy định, tiêu chuẩn hiện hành của ngành Xây dựng, Điện lực, Viễn thông và các ngành khác có liên quan;

- Các chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở và các khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ, thương mại mới và các tuyến đường mới xây dựng hoặc cải tạo mở rộng phải đầu tư xây dựng các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để lắp đặt ngầm các đường dây, cáp điện lực, chiếu sáng, viễn thông và cáp truyền dẫn tín hiệu khác;

- Việc xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để lắp đặt đường dây, cáp đi ngầm và cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp đi nổi phải có sự chấp thuận của Sở Quy hoạch Kiến trúc về vị trí, hướng tuyến xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để lắp đặt các đường dây ngầm đối với các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở, khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ thương mại mới và các tuyến đường mới; Đơn vị sử dụng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để lắp đặt mới các đường dây, cáp đi ngầm và đơn vị sử dụng hệ thống cột để lắp đặt đường dây, cáp đi nổi phải ký hợp đồng thuê bao với đơn vị quản lý công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và đơn vị quản lý hệ thống cột theo quy

định của pháp luật; Hồ sơ thiết kế tuyến đường dây, cáp đi nổi, thiết kế xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị và thiết kế lắp đặt mới tuyến dây, cáp trong công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị phải được thẩm định theo quy định hiện hành.

- Các đơn vị đang quản lý các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị, đơn vị quản lý cột, đơn vị sở hữu, quản lý, sử dụng đường dây, cáp hiện có trên địa bàn thành phố Hà Nội phải thống kê, đăng ký với Sở Xây dựng về các công trình ngầm, các đường dây, cáp đi ngầm, đi nổi, hệ thống cột đang quản lý và chịu trách nhiệm quản lý, bảo trì đảm bảo vận hành an toàn, mỹ quan đô thị;

- Sở Xây dựng xác định và công khai danh mục các tuyến hạ ngầm, các tuyến sắp xếp chỉnh trang đường dây, cáp và chỉ đạo thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quản lý vận hành. Nghiêm cấm các đơn vị tùy tiện lắp đặt đường dây, cáp đi nổi;

- Các thành phần kinh tế đều được tham gia đầu tư xây dựng các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để hạ ngầm các đường dây, cáp đi nổi.

Theo Quy định này, việc thiết kế công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị trên các tuyến phố mới phải thực hiện theo quy hoạch xây dựng, trường hợp chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt thì phải được sự chấp thuận của Sở Quy hoạch – Kiến trúc. Đối với các tuyến đường phố có mặt cắt ngang rộng, có hai làn đường và có dải phân cách giữa, bề rộng một làn đường từ 11,5m và vỉa hè rộng từ 5m trở lên phải thiết kế hào kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây, cáp: điện lực, thông tin viễn thông, cáp truyền hình. Đường cáp chiếu sáng đi theo ống riêng phù hợp với các vị trí cột đèn chiếu sáng đặt ở dải phân cách hoặc hai bên hè; Đối với tuyến đường phố có mặt cắt ngang lòng đường nhỏ hơn 11,5m, hè rộng dưới 5m hoặc đối với tuyến đường phố có mặt cắt ngang rộng hơn 11,5m, hè rộng hơn 5m nhưng vướng nhiều công trình

ngầm, nổi không thể bố trí hào kỹ thuật, phải thiết kế cống, bể kỹ thuật để hạ ngầm các đường dây, cáp.

Khi thiết kế cống, bể kỹ thuật, hào kỹ thuật, đơn vị thiết kế phải phối hợp với các đơn vị sử dụng đường dây, cáp đi nổi để xác định kích thước đảm bảo yêu cầu hạ ngầm các đường dây, cáp hiện có và dự phòng để lắp đặt thêm các tuyến dây, cáp theo kế hoạch, quy hoạch phát triển.

Thiết kế công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị để hạ ngầm các đường dây trực đi nổi trên các tuyến phố phải đồng bộ với việc hạ ngầm đường dây, cáp dẫn đến thuê bao, phụ tải, phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị và phải có quy trình vận hành, sử dụng, quy định bảo trì công trình phù hợp.

Đối với việc thiết kế xây dựng, cải tạo sắp xếp các đường dây, cáp đi nổi, theo Quy định

này, thiết kế xây dựng, cải tạo sắp xếp các đường dây, cáp đi nổi phải đảm bảo sự kết nối với hệ thống đường dây chung của đô thị và các đường phố liền kề, đảm bảo yêu cầu về an toàn kỹ thuật, quản lý vận hành và mỹ quan đô thị. Các cột không đảm bảo an toàn và không đảm bảo khả năng chịu tải đang treo các đường dây, cáp đi nổi phải được thay thế hoặc bổ sung thêm cột; khoảng cách giữa các cột phải thực hiện theo các quy định chuyên ngành.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy phép xây dựng công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình cải tạo, sắp xếp đường dây, cáp đi nổi trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại: [www.hanoi.gov.vn](http://www.hanoi.gov.vn))**



**Nghiệm thu đề tài:**

## **Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa phủ sàn tự san phẳng trên cơ sở xi măng - Polyme (Mã số: RD 54-07)**

Ngày 2/4/2009, Hội KHCN chuyên ngành Bộ xây dựng đã tiến hành nghiệm thu đề tài: “Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa phủ sàn tự san phẳng trên cơ sở xi măng – polime” do ThS. Nguyễn Văn Huynh – Viện Vật liệu xây dựng làm chủ nhiệm đề tài.

Ở Việt Nam, hàng năm có hàng triệu m<sup>2</sup> sàn xây dựng mới hoặc sửa chữa, nâng cấp. Đặt giả thiết trong một vài năm tới 5% diện tích này sử dụng vữa PSTS phẳng thì nhu cầu sử dụng loại vữa này là hàng trăm ngàn tấn/năm. Nếu mua sản phẩm của nước ngoài thì sẽ phải chi hàng chục triệu USD mỗi năm, trong khi hầu hết nguyên liệu để sản xuất vữa PSTS phẳng lại có sẵn trong nước. Mặt khác, hiện trong nước đã có nhiều cơ sở sản xuất các sản phẩm vữa khô trộn sẵn (Vữa dán gạch, bột bả tường...) các cơ sở này hoàn toàn có thể sản xuất sản phẩm vữa PSTS phẳng trên dây chuyền thiết bị hiện có với sự cải tiến, bổ sung thích hợp. Như vậy việc nghiên cứu sản xuất sản phẩm này không những góp phần hiện đại hoá ngành VLXD mà còn giúp các cơ sở sản xuất đa dạng hoá sản phẩm, tận dụng tối đa cơ sở vật chất đã đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.

Trước nhu cầu thực tiễn trên, các chuyên gia khoa học chuyên ngành xây dựng đã nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa PSTS phẳng trên cơ sở xi măng – polyme. Mục tiêu của sản phẩm là đạt tới yêu cầu kỹ thuật tương đương sản phẩm nhập ngoại, giá thành thấp hơn

Nội dung nghiên cứu chủ yếu gồm: Nghiên cứu lựa chọn chủng loại và tỷ lệ xi măng thích hợp; hàm lượng phụ gia polyme; hàm lượng cốt

liệu; hàm lượng phụ gia trợ chảy (Phụ gia siêu dẻo); hàm lượng phụ gia giữ nước; Nghiên cứu lựa chọn phụ gia làm ướt và khử bọt; Nghiên cứu lựa chọn cấp phối thích hợp; Kiểm tra các tính chất của sản phẩm nghiên cứu; Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng thử; Đánh giá hiệu quả kinh tế – kỹ thuật của sản phẩm nghiên cứu, so sánh với sản phẩm nhập ngoại; Nghiên cứu thiết kế sơ bộ dây chuyền công nghệ sản xuất quy mô công nghiệp.

Vữa PSTS phẳng là một loại vữa khô trộn sẵn chuyên dụng được sử dụng để thi công nhằm đạt được một hoặc một số mục đích: Đạt độ phẳng cho sàn; Tiến hành hoàn thiện bề mặt sàn; Nâng cao độ bền mài mòn. Vữa khô trộn sẵn được chia ra làm 2 loại : vữa khô trộn sẵn thông dụng và vữa khô trộn sẵn chuyên dụng. Yêu cầu kỹ thuật của vữa PSTS có thể từ đơn giản đến phức tạp. Chiều dày có thể từ 1-10mm cho đến 60mm, thường được thi công bằng máy (bao gồm máy trộn và máy bơm được liên hoàn với nhau). Thời gian đóng rắn của vật liệu thay đổi từ đóng rắn bình thường đến rất nhanh tùy thuộc vào yêu cầu của từng công trình cụ thể. Thông thường, nếu yêu cầu vữa đóng rắn càng nhanh hoặc chiều dày lớp vữa càng mỏng thì độ khó về mặt kỹ thuật và giá thành của sản phẩm càng cao.

Với kết quả nghiên cứu thu được cho thấy, công nghệ chế tạo vữa phủ sàn tự san phẳng trên cơ sở xi măng – polyme để thi công, chỉ cần trộn với nước, hỗn hợp vữa có khả năng chảy và tự làm phẳng mặt rất tốt; Thi công nhanh, năng suất lao động cao; Sau 24h có thể



## Các chỉ tiêu chính của vật liệu

TT	Tên chỉ tiêu chất lượng	Đơn vị đo	Mức chất lượng		Phương pháp thử
			Cần đạt	Mẫu tương tự	
				Thế giới Ultra level HD	
1	Độ chảy - Ban đầu - Sau 10 phút	mm	280 – 300 270 – 290	180 – 300 270 – 290	BS 890
2	Cường độ chịu nén - 1 ngày - 3 ngày - 7 ngày - 28 ngày	Mpa	≥ 20 ≥ 28 ≥ 32 ≥ 40	≥ 20 ≥ 28 ≥ 32 ≥ 40	AS 2073
3	Cường độ chịu uốn - 1 ngày - 3 ngày - 7 ngày - 28 ngày	Mpa	≥ 3,8 ≥ 7,6 ≥ 8,2 ≥ 11,5	≥ 3,8 ≥ 7,6 ≥ 8,2 ≥ 11,5	ASTM C 348
4	Cường độ bám dính - 7 ngày - 28 ngày	Mpa	≥ 5,0 ≥ 10,0	≥ 5,0 ≥ 10,0	ASTM C 882
5	Hệ số giãn nở nhiệt	°C <sup>-1</sup>	≤ 11 x 10 <sup>-6</sup>	≤ 11 x 10 <sup>-6</sup>	ASTM C 1148-90
6	Độ bền mài mòn - 7 ngày - 28 ngày	-	≤ 240 ≤ 350	≤ 240 ≤ 350	ASTM C 501

đi lại bình thường trên bề mặt sàn; Bề mặt sau khi đông cứng phẳng, không có bọt, không có hiện tượng bị rạn nứt, tính thẩm mỹ cao. Theo tính toán sơ bộ, giá thành sản xuất của sản phẩm vữa PSTS vào khoảng 3.500 – 3.800 đồng/kg. Ngoài ra đề tài còn đưa ra quy trình hướng dẫn sử dụng cũng như bảo quản sản phẩm tạo điều kiện cho

người tiêu dùng nắm được cách thi công và bảo quản.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nhất trí nghiệm thu đề tài và xếp loại khá.

**Bích Ngọc**

## **Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và đổ thải phân bùn bể tự hoại cho các đô thị Việt Nam**

Ngày 26/03/2009, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và đổ thải phân bùn bể tự hoại cho các đô thị Việt Nam” do PGS.TS Nguyễn Thị Kim Thái – Phó Viện trưởng Viện khoa học và kỹ thuật môi

trường- Trường ĐHXD làm chủ nhiệm đề tài.

Tại hầu hết các đô thị của các nước đang phát triển, các công trình vệ sinh tại chỗ bao gồm các bể tự hoại, hố xí đào, hố xí thùng, các hố xí công cộng... chứa phân bùn cần được thông hút và xả định kỳ.

Khi không có các quy hoạch vệ sinh đô thị, tất cả các công trình vệ sinh tại chỗ đều được xây dựng theo yêu cầu của người sử dụng chúng. Họ thường không quan tâm tới việc hút phân bùn từ các công trình vệ sinh của mình. Việc quản lý phân bùn thường chỉ hạn chế trong việc thực hiện dịch vụ hút phân bùn của các công ty đô thị hoặc các tổ chức tư nhân, thường là thiếu các phương án xử lý phân bùn phù hợp. Việc này sẽ đem lại hậu quả lớn nếu mật độ dân cư đông đúc. Tuy nhiên, tại các khu đô thị, ảnh hưởng tiêu cực đối với môi trường đô thị đã trở nên nghiêm trọng. Hơn nữa, ở Việt Nam, việc thu gom và vận chuyển phân bùn (FS) ở các thành phố lớn hơn đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn chồng chất.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài là biên soạn bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và đổ thải phân bùn bề tự hoại đối với trường hợp các công trình vệ sinh tại chỗ đã có sẵn hoặc là một phần của quy hoạch vệ sinh. Sự lựa chọn các công trình vệ sinh và vấn đề hệ thống vệ sinh tổng thể không được đề cập tới trong tài liệu này.

Tài liệu được biên soạn trên cơ sở của các bài học thu được từ quá trình thực hiện dự án và kết quả khảo sát thực trạng quản lý phân bùn tại các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nam Định và Thái Nguyên, do vậy hướng dẫn này có thể áp dụng cho các đô thị loại I và loại II tại Việt Nam.

Mục tiêu của hướng dẫn là cung cấp các hướng dẫn thiết thực để làm rõ khái niệm quản lý phân bùn, xem xét yêu cầu quản lý, xem xét yêu cầu cần quản lý phân bùn trong hiện tại, sự cần thiết phải thiết lập quy hoạch vệ sinh trong tương lai, chủ yếu hỗ trợ nhà quy hoạch và kỹ sư môi trường, tuy nhiên nó cũng sẽ có ích cho các nhà hoạch định chính sách.

Hướng dẫn này được chia thành hai phần chính:

Phần “Lập quy hoạch” bao gồm cách tiếp cận chiến lược của quá trình quy hoạch. Quy

trình bao gồm phương pháp lập quy hoạch quản lý phân bùn, lập quy hoạch thu gom vận chuyển phân bùn, lập quy hoạch xử lý và đổ thải phân bùn theo các giải pháp phù hợp. Có thể coi Hướng dẫn này là một tài liệu để kiểm tra các bước cần làm và các điểm cần xem xét kỹ. Mỗi bước được minh họa bằng các ví dụ lấy từ nghiên cứu tại Việt Nam.

Phần “Biện pháp kỹ thuật” bao gồm các thông tin kỹ thuật chi tiết và các biện pháp, công nghệ như công nghệ thông hút và công nghệ xử lý phân bùn nhằm hỗ trợ quá trình quy hoạch. Những công cụ kỹ thuật này là kết quả của các hoạt động nghiên cứu và phát triển của SANDEC tại Việt Nam cùng với CEETIA. Ngoài Hướng dẫn này, các nhà quy hoạch cũng cần các công cụ ngoài kỹ thuật khác, ví dụ tổ chức hội thảo, phát triển các giải pháp thể chế và tài chính... Hướng dẫn này không phát triển các công cụ đó vì định hướng duy nhất là vấn đề kỹ thuật.

Hướng dẫn này đóng góp một phần nhỏ vào việc cung cấp các thông tin cho công tác quản lý phân bùn, tuy nhiên không nên coi việc quản lý phân bùn là một phần độc lập so với các thành phần khác trong hệ thống vệ sinh mà ngược lại cần hiểu rằng quản lý phân bùn là một phần quan trọng của hệ thống vệ sinh, có tác động lớn đối với các thành phần khác và ngược lại.

Hướng dẫn này chủ yếu được biên soạn để quản lý phân bùn từ các công trình vệ sinh tại chỗ kiểu truyền thống, tuy nhiên tài liệu cũng có thể có ích đối với việc lập quy hoạch quản lý phân bùn từ các hệ thống “vệ sinh sinh thái”. Tài liệu này không đề cập đến vấn đề quản lý phân bùn nước thải.

Với kết quả thu được, đề tài “Hướng dẫn kỹ thuật thông hút, chuyên chở, xử lý và đổ thải phân bùn bề tự hoại cho các đô thị Việt Nam” đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và đạt loại xuất sắc./.

**Hoàng Hải**

## **Bảo vệ công trình xây dựng - Phương pháp diệt và phòng mối cho công trình xây dựng đang sử dụng (Mã số: TC 51-08)**

Ngày 25/3/2009 Hội đồng KHCN chuyên ngành Xây dựng – Bộ Xây dựng đã nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Bảo vệ công trình xây dựng – Phương pháp diệt và phòng mối cho công trình xây dựng đang sử dụng” do KS. Nguyễn Văn Bảo – Trung tâm Tư vấn nghiên cứu phát triển VLXD (CBMD) – Hội VLXD Việt Nam làm chủ nhiệm đề tài.

Ở nhiều nước trên thế giới đã có tiêu chuẩn về quản lý công tác phòng chống mối, các tiêu chuẩn này sẽ được soát xét hoặc biên soạn lại theo định kỳ. Ở Việt Nam, từ năm 1982 đã có Quy phạm tạm thời: “Phòng chống mối mọt cho các công trình xây dựng” QPVN16- 79. Năm 2007 Bộ Xây dựng giao cho Trung tâm Tư vấn Nghiên cứu Phát triển vật liệu xây dựng thuộc Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam soát xét tiêu chuẩn ngành TCXD 204: 1998 “Bảo vệ công trình xây dựng – Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới” nâng lên thành tiêu chuẩn quốc gia. Tiêu chuẩn này có tên : “TCVN 7958: 2008 Bảo vệ công trình xây dựng – Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới”.

Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế của nước ta đang có nhiều thay đổi lớn, hiện đại hoá, đô thị hoá cũng phát triển rầm rộ. Để bảo vệ công trình xây dựng, trong việc phòng chống mối cũng cần thích ứng với tình hình mới. Trong khi đó, “Quy phạm tạm thời QPVN 16-79” có đề cập tới phòng chống mối cho các công trình đang sử dụng, nhưng đã gần 30 năm quy phạm này chưa được soát xét, chỉnh sửa nên đã không phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Do đó việc biên soạn tiêu chuẩn “Bảo vệ công trình xây dựng – Phòng chống mối cho công trình đang sử dụng” là rất cần thiết.

Cơ sở của việc xây dựng tiêu chuẩn chủ yếu: Tham khảo Qui phạm tạm thời phòng

chống mối, mọt cho các công trình xây dựng mã số QPVN 16- 79; Nghiên cứu tiêu chuẩn TCVN 7958: 2008 Bảo vệ công trình xây dựng – Phòng chống mối cho công trình xây dựng mới; Tham khảo các Tiêu chuẩn Úc AS 3660.1; AS 3660.2; AS 3660.3- 2000 và các tiêu chuẩn liên quan trong nước ban hành; Thu thập các tài liệu liên quan: tài liệu tham khảo, tài liệu viện dẫn, tài liệu hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn và các tài liệu phòng chống mối đã xuất bản chính thức trong và ngoài nước...

Tuỳ theo mức độ quan trọng, qui mô và điều kiện kinh tế, yêu cầu diệt và phòng mối cho công trình đang sử dụng được phân thành 3 loại:

Loại A: Diệt và phòng mối ở mức độ cao, gồm các công trình xây dựng cấp quốc gia, công trình văn hoá lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia, các nhà bảo tàng, thư viện...

Loại B: Diệt và phòng mối ở mức khá, gồm các công trình có kết cấu chịu lực, các loại cửa, trang trí nội thất bằng vật liệu chứa xenlulô....

Loại C: Diệt và phòng mối ở mức trung bình, gồm các công trình đang sử dụng còn lại.

Để thực hiện được các phương pháp trên, yêu cầu người làm nhiệm vụ khảo sát phải có kiến thức cơ bản về đặc tính sinh học, sinh thái học của các giống, loài mối; phát hiện và đánh giá được tình trạng phá hoại của mối tại công trình; hiểu biết về các phương pháp diệt và phòng mối. Từ đó có thể tư vấn diệt và phòng mối cho các công trình tuỳ theo từng mức độ khác nhau. Đối với các công trình chưa phát hiện có mối, chỉ tiến hành phòng mối theo 3 cách sau: Phương pháp phòng mối bằng thuốc; Phương pháp phòng mối kết hợp; Phương pháp phòng mối bằng bả.

Thông thường phương pháp diệt mối được thực hiện theo 4 cách: Diệt mối bằng phương

pháp lây nhiễm; Diệt mối bằng phương pháp dùng bả; Diệt mối bằng phương pháp diệt trực tiếp tại tổ; Diệt mối gỗ khô.

Theo các chuyên gia, diệt mối theo phương pháp dùng bả là phương pháp đang được áp dụng ở các nước phát triển và một số nước đang phát triển. Ở Việt Nam có một số cơ quan đã nghiên cứu bả và xin đăng ký sử dụng chờ cơ quan chức năng Nhà nước thẩm định và cấp giấy phép. Ưu điểm của phương pháp này là thân thiện với môi trường bởi vì bả sử dụng số lượng nhỏ các hoá chất và giảm khả năng ô nhiễm môi trường, thêm vào đó dùng bả ít tạo ra tiếng ồn hay những ảnh hưởng khác như đào bới đất. Bả có thể được sử dụng trong công

trình có giếng hay bể ngoài trời, các ống dẫn nhiệt chôn trong móng sàn... Ngoài ra, bả thường được sử dụng ở những môi trường nhạy cảm. Mặc dù, phương pháp này có nhiều nhược điểm, nhưng chỉ cần sử dụng đúng đối tượng, kiểm soát định kỳ và chính xác, thì sẽ mang lại hiệu quả cao.

Với kết quả thu được, dự thảo tiêu chuẩn “Bảo vệ công trình xây dựng – Phương pháp diệt và phòng mối cho công trình xây dựng đang sử dụng” đã được Hội đồng nhất trí nghiệm thu và xếp loại khá.

Bích Ngọc

## Hội thảo khoa học: “Công nghệ mới - sản phẩm mới của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển”

Ngày 27/3/2009, trong khuôn khổ Triển lãm quốc tế Vietbuild 2009 tại Hà Nội, Ban tổ chức Triển lãm và Bộ Xây dựng đã phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề: “Công nghệ mới - sản phẩm mới của ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển”.

Tới dự Hội thảo có ông Tống Văn Nga – Chủ tịch Hiệp hội Công nghiệp bê tông Việt Nam kiêm Tổng Thư ký Hiệp hội Bất động sản Việt Nam, nguyên thứ trưởng Bộ Xây dựng và các ông Nguyễn Quang Cung - Vụ trưởng Vụ Vật liệu Xây dựng- Bộ Xây dựng, Đặng Kim Giao – Giám đốc Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng; Nguyễn Đình Hùng – Giám đốc Công ty Triển lãm Quốc tế AFC và các báo cáo viên, các đại biểu và các vị khách quan tâm đến dự.

13 báo cáo tham luận được trình bày tài Hội thảo giới thiệu những sản phẩm mới, công nghệ mới trong ngành xây dựng, vật liệu xây dựng ... đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo các nhà khoa học, doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng.

Công ty TNHH MTV PINCTADALI Việt Nam

đã giới thiệu các sản phẩm “Ván lát sàn & nội thất tre ép - thay thế gỗ tự nhiên - thân thiện môi trường – phát triển bền vững”. Ván lát sàn và nội thất tre ép đem đến một vẻ đẹp tự nhiên tương tự như các loại ván lát sàn gỗ tự nhiên, đang được các nước Tây Âu và Bắc Mỹ ưa chuộng do những đặc tính kỹ thuật riêng biệt như độ đàn hồi tốt, ít cong vênh, độ chịu mài mòn cao, sau khi xử lý có thể chống mối mọt.

Sản phẩm từ tre thường được phân loại theo kết cấu ép và màu sắc. Tre ép ngang có độ đàn hồi cao phù hợp với ván lát sàn, bậc cầu thang, vách ngăn, tấm ốp tường và ốp trần. Tre ép nghiêng là cách ép các thanh tre áp sát mặt phẳng vào nhau cho một sự đồng đều về màu sắc cao và các đường chỉ song song kết hợp với các mắt tre nhỏ. Tre ép nghiêng có độ cứng tốt, tính ổn định cao và tạo ra vẻ đẹp độc đáo hiện đại rất phù hợp để làm nội thất và trang trí. Cũng có thể kết hợp giữa ép ngang và ép nghiêng để tạo nên những góc nhìn khác nhau và tăng độ vững chắc của sản phẩm. Trong điều kiện thích hợp, ván lát sàn tre có độ bền tới

30 năm và nội thất tre có độ bền vĩnh cửu.

Ngói màu secoin của Công ty SECOIN là sản phẩm ngói màu duy nhất tại Việt Nam được sản xuất theo công nghệ ép ướt trên dây chuyền thiết bị đồng bộ và hiện đại của Nhật Bản. Ngói màu Secoin có tính năng vượt trội so với những vật liệu lợp khác như nhẹ hơn tới 20%, cường độ uốn cao hơn 3 lần, độ hút nước thấp hơn 10 lần, không rêu mốc, có khả năng chống nóng, chống thấm, chống ồn, chi phí rẻ hơn 20%, màu sắc và kiểu dáng độc đáo.

Công ty VLXD kiểu mới Minh Dương - Quảng Tây - Trung Quốc đã giới thiệu tại Hội thảo “Công nghệ sản xuất bê tông khí” với các sản phẩm gạch block bê tông chưng hấp từ nguyên liệu cát sỏi, xi măng, tro bay, thạch cao, qua các khâu gia công xử lý, phối trộn, ngâm nở, chưng áp... tạo thành loại sản phẩm vật liệu tường kiểu mới có trọng lượng nhẹ, cách nhiệt, thân thiện với môi trường. Đây là loại vật liệu xây tường mới nhất được Bộ Xây dựng Trung

Quốc khuyến khích sử dụng rộng rãi; gạch block bê tông chưng hấp có quy cách đa dạng, chất lượng ưu việt, tính năng ổn định, cách nhiệt, cách âm... thích hợp cho việc xây tường vách ngăn và tường bao cho các công trình dân dụng, công nghiệp và nhà ở.

Công ty NEW GREEN WORLD INC đem đến Hội thảo sản phẩm Hàng rào nhựa PVC với kiểu dáng và loại hình đa dạng.

Hoà chung không khí của triển lãm Vietbuild Hà Nội 2009, Hội thảo “Công nghệ mới - sản phẩm mới ngành Xây dựng trong hội nhập và phát triển” là cơ hội để các doanh nghiệp phổ biến và giới thiệu các sản phẩm mới và công nghệ mới của doanh nghiệp mình. Qua đó khách đến tham quan sẽ hiểu sâu hơn về các công nghệ và sản phẩm mới mà doanh nghiệp trưng bày tại triển lãm./.

**Nghiêm Thuý Giang**

## Hội thảo quốc gia: Công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu công nghiệp

Ngày 28/3/2009 tại Hà Nội Bộ Xây dựng đã phối hợp với Hiệp hội Môi trường đô thị và khu công nghiệp Việt Nam tổ chức Hội thảo quốc gia Công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu công nghiệp. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã đến dự và chủ trì Hội thảo.

Đến dự Hội thảo có gần 600 đại biểu từ các Bộ ngành ở trung ương, Ủy ban nhân dân và Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên môi trường các tỉnh, thành phố, các tổ chức khoa học, các hiệp hội, các doanh nghiệp môi trường trong cả nước.

Phát triển kinh tế và quá trình đô thị hoá mạnh mẽ của nước ta trong những năm gần đây đã đặt chúng ta trước những thách thức về ô nhiễm môi trường, đặc biệt là vấn đề rác thải và nước thải.

Với chức năng quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và điểm dân cư nông thôn, Bộ Xây dựng đã tiến hành:



*Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân phát biểu tại Hội thảo*

- Soạn thảo và trình Chính phủ ban hành các Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 về thoát nước đô thị và khu công nghiệp, Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 về quản lý chất thải rắn và các hướng dẫn thi hành;

- Tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch quản lý chất thải rắn và nước thải của 3 vùng kinh tế trọng điểm;

- Phối hợp với các địa phương tổ chức lập Quy hoạch xây dựng, trong đó có hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho công tác quản lý và đầu tư xây dựng các công trình thu gom và xử lý chất thải;

- Đề xuất chương trình đầu tư các nhà máy xử lý rác thải áp dụng công nghệ trong nước nhằm nhân rộng mô hình công nghệ phù hợp với Việt Nam;

Hội thảo được tổ chức nhằm phổ biến và nhân rộng các công nghệ xử lý chất thải được áp dụng thành công ở Việt Nam và từng bước xây dựng ngành công nghiệp môi trường. Nội dung của Hội thảo bao gồm hai chuyên đề: Công nghệ xử lý chất thải rắn và công nghệ xử lý nước thải. Đồng thời Hội thảo còn trưng bày và giới thiệu các sản phẩm, thiết bị công nghệ xử lý về môi trường của một số đơn vị như: Cty cổ phần đầu tư - phát triển Tâm Sinh Nghĩa, Cty TNHH Nhà nước một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội (URENCO), Cty Thoát nước và phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,...

Tại Hội thảo đã giới thiệu những thông tin cơ bản về quy hoạch quản lý nước thải và rác thải, Chương trình đầu tư các nhà máy xử lý rác thải áp dụng công nghệ trong nước, các công nghệ xử lý chất thải đô thị và khu công nghiệp. Mặc dù nền công nghiệp môi trường đang còn non trẻ, nhưng những cố gắng của các doanh nghiệp và các nhà khoa học trong việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam để xử lý rác thải và nước thải đáng được xã hội ghi nhận. Một số công nghệ xử lý chất thải đã được Bộ Xây dựng hỗ trợ nghiên cứu, tổ chức thẩm định và công nhận.

Báo cáo tham luận tại Hội thảo cho thấy thực trạng hệ thống thoát nước đô thị nước ta. Hệ thống thoát nước đô thị phổ biến hiện nay là thoát nước chung cho cả nước mưa và nước thải thêm vào đó hệ thống này đã cũ, được xây dựng từ nhiều năm trước. Mức độ bao phủ dịch vụ



Toàn cảnh Hội thảo

thoát nước chỉ đạt khoảng 60%. Hầu hết nước thải chưa được xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tổng công suất trạm xử lý nước thải chỉ đạt 265.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nhỏ hơn 10% nhu cầu).

Thực trạng đó dẫn đến hậu quả là nguồn nước (nước mặt và nước ngầm) bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Các kết quả nghiên cứu thực trạng chất thải rắn ở nước ta cho thấy tổng lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 20.000 tấn/ngày trong đó chất thải rắn công nghiệp khoảng 4.500 tấn/ngày, chất thải rắn y tế là 34 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom bình quân đạt 80%. Khối lượng chất thải rắn thu gom có khả năng tái chế, tái sử dụng đạt khoảng 20%. Chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn. Chôn lấp vẫn là phương pháp chủ yếu đối với chất thải rắn trong đó nhiều bãi chôn lấp được xây dựng và vận hành không hợp vệ sinh, đặc biệt là hệ thống nước rỉ rác. Đối với thể chế và khung pháp lý thì mô hình tổ chức còn chưa rõ ràng, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ và sự phân công, phân cấp còn chồng chéo, chưa rõ.

Hiện nay lĩnh vực nước thải và rác thải ở Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá nhanh gây ra sự thiếu hụt hệ thống hạ tầng kỹ thuật và áp lực nặng nề lên hệ thống này. Vốn đầu tư bị thiếu hụt trong khi đó chưa phát huy khai thác hết nguồn lực trong xã hội và cộng đồng tham gia quản lý, phát triển hạ tầng kỹ thuật. Nguồn nhân lực có đủ trình độ tay nghề và kỹ năng

quản lý còn thiếu. Mức phí dịch vụ hiện đang được áp dụng trong lĩnh vực nước thải và rác thải còn thấp, chưa đủ đảm bảo chi phí cho công tác quản lý, vận hành và đầu tư công trình. Nhận thức của chính quyền và cộng đồng đối với vấn đề nước thải và rác thải còn chưa đầy đủ.

Thực trạng và những thách thức đó cho thấy đối với lĩnh vực chất thải đô thị cần thực hiện các chính sách và giải pháp sau:

- Xây dựng, ban hành hệ thống pháp luật đồng bộ, đầy đủ; có chính sách ưu tiên, ưu đãi, khuyến khích, huy động các nguồn lực;
- Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức của chính quyền và cộng đồng;
- Thực hiện nguyên tắc thu hồi chi phí, người gây ô nhiễm phải trả tiền;
- Tăng cường thể chế, đào tạo nhân lực;
- Mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi học tập kinh nghiệm;

Các công nghệ xử lý chất thải rắn được giới thiệu tại Hội thảo rất đa dạng cả về phương pháp cũng như việc sử dụng sản phẩm của quy trình xử lý. Chất thải rắn có thể được xử lý bằng phương pháp đốt (có sử dụng nhiên liệu hoặc không sử dụng nhiên liệu, đốt theo công nghệ PTL), các phương pháp “khí hoá plasma” và “Khử trùng hợp phân tử”, phương pháp hoạt hoá sinh học, công nghệ xử lý không còn chất thải,... Các sản phẩm của quy trình xử lý có thể là xử lý chất thải rắn thành nhiên liệu, tận thu

năng lượng, sử dụng phế thải phá dỡ công trình làm cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng, quy trình tuần hoàn nước rỉ rác có bổ sung sunphat... Ngoài ra các báo cáo tham luận còn đề cập việc phân loại rác tại nguồn như một trong những yếu tố góp phần nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn đô thị.

Đã có trên 14 báo cáo được gửi đến Hội thảo đề cập các khía cạnh của vấn đề công nghệ xử lý nước thải đô thị, trong đó phải kể đến công nghệ xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, công nghệ xử lý nước thải bằng màng sinh học, mô hình thu gom và xử lý nước thải phân tán áp dụng cho các khu dân cư đô thị,... cũng như kinh nghiệm hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực xử lý nước thải đô thị.

Hội thảo thực sự là cầu nối các nhà khoa học, các doanh nghiệp và các nhà quản lý trên cả nước, tạo điều kiện cho việc lựa chọn công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý chất thải và bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp và điểm dân cư nông thôn.

Từ kết quả Hội thảo này, Bộ Xây dựng cùng với các địa phương tổ chức hỗ trợ và đẩy mạnh việc nghiên cứu, hoàn thiện và nhân rộng các mô hình công nghệ xử lý chất thải, góp phần hình thành nền công nghiệp môi trường trong tương lai.

Huỳnh Phước

## **Ảnh hưởng của công nghệ Nano đến sức khỏe con người và môi trường**

Trong vòng 20 năm qua, công nghệ Nano (CNNN) luôn là ngành khoa học mũi nhọn. Bước vào thế kỷ XXI, các quốc gia phát triển đã tăng ngân sách đáng kể cho phát triển CNNN. Theo tạp chí Business Wire, các công ty lớn của thế giới đều đã đầu tư vào CNNN. Chính phủ nhiều nước đã sớm nhận ra kỹ thuật nano sinh học sẽ là động cơ chính phát triển công

nghệ y học. Trên toàn cầu, hơn 3.000 bằng phát minh sáng chế về CNNN đã được bảo hộ bản quyền hàng năm. CNNN cũng đang là một thách thức đối với chiến lược phát triển khoa học ở nhiều quốc gia. Tổ chức nghiên cứu khoa học Mỹ dự đoán CNNN sẽ tạo nên khoảng 1.000 tỷ USD kinh doanh thương mại trong 10 hay 15 năm nữa. Mỹ hiện vẫn dẫn đầu thị

trường toàn cầu, ước chiếm 39,5% lợi nhuận toàn thế giới năm 2008. Nhật Bản được coi là nước phát triển nhanh nhất thị trường châu Á tính từ 2003 - 2010 với lợi nhuận ước đạt 21,5%. Trung Quốc có số lượng ứng dụng bằng sáng chế CNNN nhiều chỉ sau Mỹ và Nhật Bản. Đến nay nhiều nước đang phát triển như Ấn Độ, Nam Phi, Mexico, Thái Lan, Philippines, Chile và Argentina cũng đã thực hiện các sáng kiến CNNN để hỗ trợ sự phát triển của khoa học. Theo những số liệu nêu trên, CNNN chắc chắn sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến xã hội và sinh hoạt của con người trong vài thập niên tới. Đó là chưa tính đến CNNN đang làm thay đổi quan niệm về sức mạnh vũ khí. Với một đội quân vô hình và sự nhân bản, robot siêu nhỏ có thể tiêu diệt “đối phương” chỉ trong chớp nhoáng, làm thay đổi tương quan lực lượng và khả năng ảnh hưởng tới quan hệ quốc tế. Khi ấy, những vật cực nhỏ kia sẽ cho nhân loại tiềm lực về kinh tế và quốc phòng cực lớn trong thế kỷ XXI. Theo nguyên tắc chung, công nghệ nano nằm trong vùng vật chất từ 0,1 - 100 nanomet (nm), nếu so sánh với đường kính một sợi tóc con người cũng lớn hơn 80.000 lần so với 1 nm. Cụ thể hơn, CNNN là khoa học, kỹ thuật và khai thác liên quan tới các hệ thống có kích thước nano, ở đó các hệ thống này thực hiện các nhiệm vụ về điện, cơ, sinh, hóa hoặc tính toán đặc biệt. Nền tảng của công nghệ nano là “hiện tượng các cấu trúc, thiết bị và hệ thống có tính chất và chức năng mới khi ở kích thước siêu nhỏ”. Cấu trúc của CNNN bao gồm các hạt hay tinh thể nano, lớp nano và ống nano. Ngày nay công nghệ nano đang mở ra khả năng sản xuất chế tạo các vật liệu mới ở mức độ nguyên tử - vật liệu nano và hứa hẹn làm đảo lộn nhiều lĩnh vực từ hóa học đến hàng không.

Cùng với sự phát triển rất nhanh của công nghệ Nano, tạo ra được những vật liệu Nano trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống, trong những năm qua cũng đã xuất hiện những nghiên cứu về ảnh hưởng của công nghệ Nano

đến sức khỏe con người và môi trường. Trong những nghiên cứu này đã xác định rằng: các hạt có kích thước nanomet là các nguồn gây tác động nguy hại tới sức khỏe con người. Nguồn các hạt này bao gồm sản phẩm đốt cháy nhiên liệu (ví dụ dầu diesel), sản phẩm của sản xuất công nghiệp (ví dụ các loại mỡ), các hạt nano nhân tạo (như ống cacbon). Sự gia tăng bệnh tật của con người liên quan chặt chẽ tới mức độ ô nhiễm của chính môi trường không khí xung quanh. Khi hít phải các hạt này vào đường hô hấp, con người có thể bị bệnh về phổi, hô hấp và mao mạch.

Theo đánh giá của các chuyên gia nước ngoài, nguồn các hạt nano có trong môi trường xung quanh chiếm tới 60 % là từ hoạt động của các loại phương tiện giao thông vận tải, 27 % tạo ra từ kết quả của các quá trình đốt cháy khác (ví dụ nhiệt điện) và 13 % là từ các quá trình khác trong các hoạt động của con người. Những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng: các hạt nano do có kích thước cực nhỏ có thể thẩm thấu vào phổi, qua các hệ thống mao mạch của nhiều cơ quan khác nhau như gan, thận, não bộ và hệ thống thần kinh ngoại biên cũng như thẩm thấu qua da. Các hạt nano do có kích thước cực nhỏ có khả năng thẩm thấu ngay cả vào các tế bào. Chúng có thể khu trú vào bên trong các tế bào và chúng ta không thể đưa chúng ra khỏi cơ thể người. Những nghiên cứu của các nhà bác học Mỹ đã chứng minh các hạt nano ôxyt titan được sử dụng trong kem dưỡng da có thể tác động lên tế bào não của chuột thí nghiệm, làm mất cân bằng hóa học dẫn tới phá hủy sự sống của con chuột đó.

Qua nhiều công trình nghiên cứu đã công bố, các nhà khoa học đã nêu ra những hướng cần thiết phải tiến hành trong quá trình áp dụng công nghệ nano như:

- Toàn bộ các loại hạt nano mới được tạo ra cần phải công bố vào một “bảng thống nhất”, trong đó quy định rõ các chỉ số như thành phần hóa học của chúng, các đặc tính, mức độ ảnh



hưởng tới tế bào sống.

- Xác định mức độ giới hạn cho phép các hạt nano mới tạo thành có thể gây ra hậu quả không đảo ngược trong các cơ thể sống và trong tự nhiên.

- Phát triển các phương pháp và thiết bị đánh giá mức độ ảnh hưởng các hạt nano đến cơ thể con người và môi trường thiên nhiên.

- Thiết lập các phương pháp chuẩn đánh giá các khả năng nguy hại khi sử dụng các hạt nano.

- Cần tổ chức các cuộc giao lưu thường xuyên giữa các tầng lớp trong xã hội với các đại diện của các ngành công nghiệp nhằm mục đích giải thích về khả năng phát sinh hậu quả tiêu cực từ việc sử dụng không kiểm soát được các thành tựu khoa học trong lĩnh vực công nghệ nano và các loại vật liệu nano.

Cho tới nay các nghiên cứu về mức độ nguy hại của các hạt nano còn rất ít. Kết quả các nghiên cứu này chưa có hệ thống, khó so sánh và có khi còn mâu thuẫn nhau. Các cơ sở của những số liệu về mức độ nguy hại của các hạt nano cần phải được biểu thị bằng các giá trị số hóa các thông số nguy hại (như đặc tính hóa học các hạt nano, hiệu ứng sinh hóa của các nghiên cứu v.v...) và đưa ra những thông tin có hệ thống từ các bản tin khoa học khác nhau giúp cho việc hiểu rõ mối liên kết khi sử dụng các hạt nano và công nghệ nano với hậu quả tác động tiêu cực của chúng tới cơ thể con người và môi trường xung quanh. Những cuộc thảo luận về các vấn đề trên đã được thực hiện trong vòng 5 năm qua ở Mỹ, Nhật Bản và châu Âu với mục đích thông tin cho xã hội về khả năng gây hậu quả xấu của việc sử dụng không kiểm soát trong công nghệ nano. Ở Nga cũng đã tổ chức hội nghị bàn về vấn đề này. Mục đích của hội nghị là cần thiết phải cung cấp các thông tin này làm sao tới được đa số các nhà khoa học trong lĩnh vực silicat hiểu rõ rằng: sự xuất hiện và phát triển công nghệ nano và các loại vật liệu nano không chỉ mang lại sự thay đổi

tích cực về đặc tính của vật liệu nhằm thu nhận được các loại vật liệu với độ bền lý tưởng và có các đặc tính điện, từ v.v... nổi trội và lần đầu tiên đã xuất hiện khả năng tạo ra các loại thuốc biệt dược mới, các loại máy tính, thiết bị và máy móc mới cho nhu cầu của con người và đời sống. Đồng thời với những gì đã nêu trên cũng cần phải chú ý rằng: sự chuyển đổi từ mức độ vật liệu micro tới vật liệu nano cũng sẽ dẫn tới sự thay đổi căn bản các tác động tiêu cực của nó tới cơ thể con người và môi trường xung quanh. Cho tới nay do còn thiếu các số liệu về các ảnh hưởng này nên các tác động tiêu cực này còn mang đặc trưng không kiểm soát được và như vậy có thể có những hậu quả chưa thể dự đoán được. Cho tới nay do chưa có một văn bản quốc tế có tính pháp lý về phát triển và phổ biến công nghệ nano giống như “Công ước quốc tế về không phổ biến vũ khí hạt nhân” do đó theo nhận định của một số các nhà khoa học nước ngoài thì nếu sử dụng công nghệ nano trong mục đích quân sự rất có thể sẽ gây ra hậu quả hủy diệt nhân loại còn hơn cả vũ khí hạt nhân.

Chính vì thế cần phải nhấn mạnh rằng: cùng với những ảnh hưởng tích cực của công nghệ nano và các loại vật liệu nano tới đời sống con người thì chúng cũng có thể mang lại các tác động tiêu cực khác. Việc xuất hiện trong thời gian gần đây nhiều công trình nghiên cứu khoa học đã chỉ rõ những thay đổi to lớn cuộc sống của nhân loại khi ứng dụng công nghệ nano và các loại vật liệu nano, song cũng đã cảnh báo về những khả năng ảnh hưởng tiêu cực khi không kiểm soát được trong quá trình sử dụng chúng. Cần thiết phải để cho mỗi cá nhân và toàn xã hội nhận thức một thực tế khách quan là sẽ có cả ảnh hưởng tích cực và tiêu cực tác động lên đời sống trong quá trình áp dụng công nghệ nano và các loại vật liệu nano.

**TS. Lê Văn Thanh**

(Cty CPTVXD công nghiệp và đô thị VN)

## **Thông báo Danh sách các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận trong tháng 3-2009**

*Trong tháng 3/2009 đã có 31 phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận cho phép đi vào hoạt động.*

<b>TT</b>	<b>Tên phòng thí nghiệm</b>	<b>Mã số</b>	<b>Quyết định có hiệu lực</b>
1	Trung tâm TN kiểm định và đánh giá chất lượng công trình thuộc Cty TNHH MTV Vạn Hồng Phát Số 47 Đường 31, P.6, Q.Gò Vấp, Tp. HCM	LAS-XD 742	QĐ số 79/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
2	Trung tâm thí nghiệm VLXD và kiểm định chất lượng công trình - Chi nhánh Cty TNHH đầu tư XD Thiên Hương. Số 2/13B Huỳnh Văn Nghệ - Khu 4, P.Phú Lợi, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	LAS-XD 727	QĐ số 80/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
3	Phòng TN kiểm định - Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng tỉnh Bình Dương 26 Huỳnh Văn Nghệ, Khu 4, P.Phú Lợi -Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	LAS-XD 744	QĐ số 81/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
4	Phòng TN kiểm định VLXD - địa kỹ thuật thuộc Trung tâm tư vấn kiểm định kỹ thuật công trình (CEC Centre) Số 195 Đường Linh Trung -P. Linh Trung, Q.Thủ Đức-Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 449	QĐ số 82/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
5	Phòng thí nghiệm VLXD và cơ học đất thuộc Cty Xây lắp Thừa Thiên Huế Số 24 Phan Chu Trinh, Tp. Huế	LAS-XD 114	QĐ số 83/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
6	Phòng TN và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn ĐT và thiết kế dầu khí Lầu 4 Nhà G1, Khách sạn Thanh Đa, P. 27, Q.Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 413	QĐ số 84/QĐ-BXD ngày 02/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
7	Phòng TN cơ học đất – VLXD - kết cấu công trình -LH KH- Địa chất nền móng – VLXD Số 97 Xô viết Nghệ Tĩnh, P. 17, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 154	QĐ số 88/QĐ-BXD ngày 03/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
8	Phòng TN chuyên ngành XD thuộc Cty CP tư vấn đầu tư IDICO Số 48 Quốc lộ 51, Tổ 1, Khu 1, Ấp 3, An Hoa, Long Thành, Đồng Nai	LAS-XD 308	QĐ số 89/QĐ-BXD ngày 03/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012

9	Phòng TN cơ lý đất & VLXD Bắc Giang - Cty CP tư vấn đầu tư XD Bắc Giang Số 392 Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang	LAS-XD 11	QĐ số 90 /QĐ-BXD ngày 05/3/2009 có hiệu lực đến: 04/3/2012
10	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN xây dựng thuộc Cty CP XD Quốc tế Hoàng Gia Số SE44 - Đường S7 – P. Tây Thạnh, Q.Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh .	LAS-XD 46	QĐ số 91/QĐ-BXD ngày 05/3/2009 có hiệu lực đến: 20/10/2011
11	Phòng TN thuộc Cty CP xây dựng tổng hợp Phú Gia Hưng Ấp Mỹ Tân, Xã Mỹ Xuân, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	LAS-XD 747	QĐ số 92/QĐ-BXD ngày 05/3/2009 có hiệu lực đến: 02/3/2012
12	Phòng địa kỹ thuật thí nghiệm VLXD thuộc Trung tâm tư vấn ứng dụng khoa học địa chất và công trình giao thông Số 37 Nguyễn Xí, P.26, Q. Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh	LAS-XD 322	QĐ số 97/QĐ-BXD ngày 12/3/2009 có hiệu lực đến: 15/11/2010
13	Phòng TN Địa kỹ thuật, nền móng công trình và VLXD - Cty TNHH TVXD Việt Vũ Bình M24 Khu Hạnh Thông Tây, Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, Tp. HCM	LAS-XD 404	QĐ số 99/QĐ-BXD ngày 12/3/2009 có hiệu lực đến: 12/3/2012
14	Phòng TN EJtech Vina thuộc Cty TNHH EJTECH Việt Nam Phòng 3B Khu Broadway C4 -2, số 152 Đường Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh	LAS-XD 745	QĐ số 101/QĐ-BXD ngày 12/3/2009 có hiệu lực đến: 12/3/2012
15	Phòng TN Địa chất và VLXD - Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD Cà Mau - Sở XD Cà Mau Số 3C Đ.An Dương Vương, P.7, Tp. Cà Mau	LAS-XD 300	QĐ số 102/QĐ-BXD ngày 12/3/2009 có hiệu lực đến: 12/3/2012
16	Phòng TN VLXD thuộc Trung tâm kiểm định chất lượng công trình XD - Sở XD Đồng Tháp Số 60 Đường 30/4 Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp	LAS-XD 292	QĐ số 103/QĐ-BXD ngày 12/3/2009 có hiệu lực đến: 12/3/2012
17	Phòng TN Cơ lý đất, nước và sức bền vật liệu XD thuộc Cty CP tư vấn Quy hoạch khảo sát thiết kế XD Thái Bình Số 188 Hai Bà Trưng, Tp. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình	LAS-XD 18	QĐ số 105/QĐ-BXD ngày 16/3/2009 có hiệu lực đến: 16/3/2012
18	Phòng TN thuộc Trung tâm TV giám sát và TN công trình - Cty cổ phần PUSCO Số 25 Phan Bội Châu, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định	LAS-XD 277	QĐ số 106/QĐ-BXD ngày 16/3/2009 có hiệu lực đến: 16/3/2012

19	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Cty CP tư vấn thí nghiệm kiểm định & XD Việt Nam Số 42G, Tổ 19, Thị Trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm-Hà Nội	LAS-XD 746	QĐ số 107/QĐ-BXD ngày 16/3/2009 có hiệu lực đến: 16/3/2012
20	Bổ sung các phép thử cho Phòng TN thuộc Cty TNHH xây dựng CTGT 481 Số 33 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm-Hà Nội	LAS-XD 620	QĐ số 108/QĐ-BXD ngày 16/3/2009 có hiệu lực đến: 10/01/2011
21	Phòng TN cơ học đất thuộc Xí nghiệp khảo sát -kiểm định XD - TCty tư vấn XD Việt Nam Số 243A Đê La Thành, Đống Đa, Hà Nội	LAS-XD 188	QĐ số 109/QĐ-BXD ngày 16/3/2009 có hiệu lực đến: 16/3/2012
22	Phòng TN kiểm tra chất lượng công trình thuộc Cty CP tư vấn XD Giao thông 124 Số 26-Quang Trung-Tp. PleiKu-Tỉnh Gia Lai	LAS-XD 749	QĐ số 117/QĐ-BXD ngày 23/3/2009 có hiệu lực đến: 20/3/2012
23	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình - Chi nhánh thí nghiệm - Cty CP Sông Đà 505 Số 23 Ngô Quyền, P.Thống Nhất, Tx. KonTum	LAS-XD 750	QĐ số 118/QĐ-BXD ngày 23/3/2009 có hiệu lực đến : 20/3/2012
24	Phòng TN Vật liệu và địa chất công trình thuộc Cty TNHH tư vấn XD Hùng Đạt Số 33 Trường Chinh, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	LAS-XD 483	QĐ số 119/QĐ-BXD ngày 23/3/2009 có hiệu lực đến: 20/3/2012
25	Phòng TN VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP TVXD nông nghiệp -nông thôn KonTum Số 259 Trần Khánh Dư, Tx.KonTum, Tỉnh Kon Tum	LAS-XD 503	QĐ số 120/QĐ-BXD ngày 23/3/2009 có hiệu lực đến: 20/3/2012
26	Phòng thí nghiệm VLXD thuộc Trung tâm Tư vấn giám sát & Kiểm định Xây dựng Số 274 Đống Đa , TP. Đà Nẵng	LAS-XD 24	QĐ số 124/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 20/03/2012
27	Phòng TN và Kiểm định XD thuộc Cty CP tư vấn thiết kế xây dựng Bình Định Số 350 Trần Hưng Đạo , TP.Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	LAS-XD 197	QĐ số 125/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 30/3/2012
28	Phòng TN vật liệu và kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty CP Tư vấn Đầu tư và XD công trình Nam Long Số 63 Trương Chí Cương, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	LAS-XD 205	QĐ số 126/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 30/3/2012

29	Phòng TN địa kỹ thuật, VLXD và kiểm định công trình thuộc Cty CP Tư vấn thiết kế XD công trình GT Trường Định Lô 45–46 KDC Nguyễn Tri Phương, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	LAS-XD 751	QĐ số 127/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 30/3/2012
30	Phòng TN và Kiểm định XD Hoàng Lê Số 532B Nguyễn Thái Học, Tp. Qui Nhơn, Bình Định	LAS-XD 753	QĐ số 128/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 30/3/2012
31	Phòng TN kiểm định chất lượng công trình thuộc Cty XD Tổng hợp Sơn Hải Số 117 Đ. Hữu Nghị, Đồng Hới, Quảng Bình	LAS-XD 752	QĐ số 129/QĐ-BXD ngày 30/3/2009 có hiệu lực đến: 30/3/2012

Huỳnh Phước

## **Công nghệ tiên tiến xây dựng nhà ở thấp tầng ở nước Cộng hoà Belarus**

Cung cấp cho dân cư loại nhà ở tiện nghi và phù hợp khả năng chi trả là hướng ưu tiên của ngành nhà ở Belarus. Trong điều kiện kinh tế hiện nay, lợi nhuận của ngành có thể đạt được bằng việc sử dụng tối đa các nguồn vốn của các chủ đầu tư - các cá nhân và pháp nhân. Sự căng thẳng của vấn đề nhà ở tại Belarus gia tăng bởi phần lớn số cư dân đang có nhu cầu nhà ở không đủ nguồn lực tài chính.

Yếu tố này, cũng như tính cấp thiết và tầm quan trọng của nhiệm vụ đặt ra đã thúc đẩy hoạt động của các nhà khoa học và nhà xây dựng Belarus tăng cường tìm kiếm các phương pháp có hiệu quả xây dựng nhà thấp tầng. Ví dụ, họ đã tạo ra và đăng ký sáng chế đối với công nghệ thi công nhà bằng gạch bloc có khả năng tự gắn kết. Đây là một công nghệ mới đối với ngành nhà ở trong nước và trên cơ sở của công nghệ đó đã xây dựng được quy trình công nghệ thi công xây dựng nhà ở đảm bảo các chất lượng cần thiết về sự bền vững, các đặc tính về kiến trúc, kỹ thuật nhiệt, dễ lắp ghép và lắp ghép nhanh của các cấu kiện được sử dụng.

Việc xây dựng nhà ở bằng loại gạch bloc

nêu trên được áp dụng trước hết cho nhóm đối tượng dân cư có số lượng đông đảo mà có mức thu nhập trung bình, không được bảo vệ về xã hội và phải sử dụng kinh phí của bản thân họ cho việc xây dựng nhà ở. Loại nhà ở 1 hoặc 2 tầng nêu trên được xây dựng tại nông thôn, trong các đô thị vừa và nhỏ, kể cả ở vùng ngoại vi của các thành phố lớn và rất lớn. Công nghệ trên áp dụng cho việc xây dựng tất cả các loại công trình trên đất vườn. Nhà có tường cách nhiệt được sử dụng làm nhà ở; nhà có tường bán cách nhiệt được sử dụng làm nơi nuôi gia súc và nhà có tường không cách nhiệt được sử dụng làm nhà để xe, nhà kho,...

Nhờ có đặc tính chuẩn hoá đến mức cao, các cấu kiện xây tường nêu trên đảm bảo việc thi công tường diễn ra đơn giản và thuận tiện mà không phải sử dụng vữa liên kết như các phương pháp thi công truyền thống khác và đạt năng suất lao động cao. Trong đó không đòi hỏi người thi công phải được đào tạo riêng. Việc xây dựng công trình có thể được thực hiện bởi những người thi công thuộc các ngành nghề khác. Vấn đề ở chỗ, gạch bloc có kết cấu đặc

biệt giúp người thi công không bị sai sót. Chiều rộng của viên gạch bloc đúng bằng chiều dày tường nhà được xây; cường độ nén đạt 35 đến 50 kg/cm<sup>2</sup>. Gạch bloc xây tường bao gồm các loại sau:

- Gạch bloc xây tường chính (hình 1) kích thước 600 x 300 x 250 mm là khối hình hộp chữ nhật, dọc theo mặt dưới của viên gạch bloc có khe, dọc theo mặt trên của viên gạch bloc có lỗ rỗng. Nhờ cấu tạo trên mà việc ghép nối các viên gạch bloc được thực hiện dễ dàng đối với mọi góc của ngôi nhà. Ở giữa viên gạch bloc được cắt rãnh theo chu vi hình bán nguyệt. Ngoài ra viên gạch bloc còn có 3 khoang trống dành cho đổ đầy vữa liên kết ngụy hoặc cần thiết thì đổ đầy vật liệu cách nhiệt giúp tăng khả năng cách nhiệt của gạch bloc.



Hình 1

- Gạch bloc xây tường dạng nửa viên (hình 2) kích thước 300 x 300 x 250 mm có kết cấu tương tự gạch bloc xây tường chính nhưng khác ở chỗ chỉ có 2 khoang trống. Một đầu của gạch bloc dạng nửa viên này là mặt phẳng nhẵn. Gạch bloc dạng nửa viên được sử dụng để



Hình 2

ghép nối các bề mặt trong thi công lỗ cửa sổ và lỗ cửa đi.

- Gạch bloc xây góc tường (hình 3) kích

thước 600 x 300 x 250 mm khác với gạch bloc xây tường chính ở chỗ nó chỉ có rãnh và lỗ rỗng ở một nửa của chiều dài viên gạch bloc trong khi nửa còn lại của chiều dài viên gạch bloc là mặt phẳng nhẵn. Tại khu vực mặt phẳng nhẵn này của viên gạch được khoan lỗ dọc theo chiều cao của viên gạch bloc.

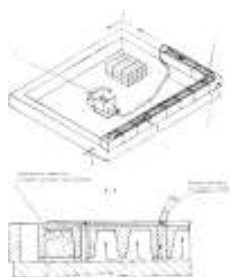


Hình 3

Các kích thước của gạch bloc thay đổi tùy theo chế độ nhiệt độ của khu vực xây dựng công trình. Vật liệu được sử dụng cho việc sản xuất gạch bloc có thể thay đổi trong khoảng rộng trên cơ sở tính đến các yêu cầu nhiệt, khối lượng vữa viên gạch bloc, hình thức hoàn thiện công trình...

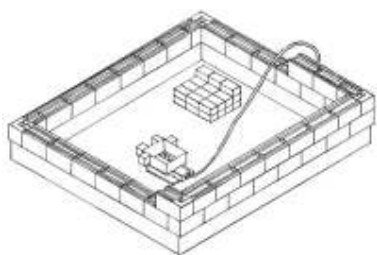
Việc thi công tường bằng loại gạch bloc nêu trên được thực hiện bởi 2 công nhân. Việc thi công được bắt đầu sau khi đã thi công xong phần chân tường của nhà thêm vào đó ở khu vực bên trong của chân tường nhà sẽ là nơi đặt thiết bị chuyên dụng sử dụng cho việc trộn vữa và nơi để vữa khô (hình 4). Tường được xây từ các viên gạch bloc xây tường chính, gạch bloc xây góc tường và gạch bloc dạng nửa viên. Các viên gạch bloc được gắn kết với nhau trên bề mặt đã được chuẩn bị trước của chân tường. Đặc tính nằm ngang của bề mặt phải được chuẩn bị trước và được kiểm tra kỹ lưỡng. Đây là một yêu cầu đòi hỏi phải tuân theo một cách chặt chẽ của công nghệ thi công nhà bằng loại gạch bloc tự gắn kết. Hình 4 cho thấy trên một bề mặt bằng phẳng và nằm ngang hàng gạch bloc đầu tiên được đặt lên. Viên gạch bloc được đặt lên đầu tiên là gạch bloc xây góc tường, sau đó gắn kết với nó là viên gạch bloc thứ hai sử dụng để xây tường chính. Hai viên gạch bloc

này được gắn kết với nhau thông qua lưới mộng và khe mộng trong đó lưới mộng chui hẳn vào trong khe mộng trên suốt chiều cao của viên gạch bloc. Sau đó các viên gạch bloc xây tường chính được đặt nối tiếp nhau trên suốt chiều dài của tường. Sau khi đã hoàn thành đặt các viên gạch bloc xây tường chính và các viên gạch bloc xây góc tường để tạo ra hàng gạch xây thứ nhất dọc theo chu vi nhà người ta đổ vữa liên kết vào khoảng trống giữa các viên gạch bloc xây tường chính (tiết diện 1-1). Công việc trộn vữa và đổ vữa nói trên được thực hiện bằng thiết bị chuyên dụng 5.



Hình 4

Sau khi đổ đầy vữa liên kết vào các khoảng trống nằm giữa các viên gạch bloc thuộc hàng gạch xây thứ nhất thì chuyển sang xây hàng gạch thứ hai (hình 5). Trên hàng gạch xây thứ nhất tại vị trí của viên gạch bloc xây góc tường người ta đặt lên viên gạch bloc xây góc tường mới của hàng gạch xây thứ hai tiếp theo đó nó được gắn kết với viên gạch bloc xây tường chính mới của hàng gạch xây thứ hai trong đó viên gạch bloc xây tường chính này được gắn kết với 2 viên gạch bloc xây tường chính của hàng gạch xây thứ nhất. Bằng cách tương tự ta có thể xây tất cả các hàng gạch còn lại của tường cho đến khi hoàn thành việc xây dựng tường.

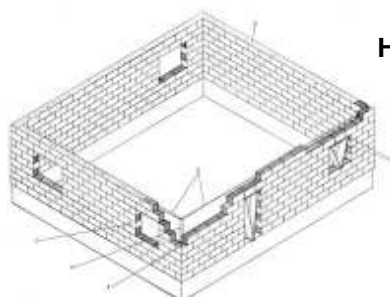


Hình 5

Gạch bloc dạng nửa viên được sử dụng để thi công lỗ cửa sổ và cửa đi (xem hình 6). Hàng gạch bloc tường chính phía trên lỗ cửa đi và lỗ cửa sổ được đặt trên thanh dầm lạnh tô cửa sổ, cửa đi và được gắn kết bằng chất kết dính epoxy. Sau khi đặt gạch cho hàng gạch bloc trên cùng của tường, người ta tiến hành gia cố cho hàng gạch này bằng dầm bê tông cốt thép, trong đó cốt thép được đặt vào rãnh của hàng gạch bloc trên cùng này dọc theo toàn bộ chu vi của tường sau đó đổ đầy rãnh bằng vữa bê tông. Đến đây việc thi công tường kết thúc.



Hình 6: Cách đặt và liên kết các viên bloc



Hình 7

Như vậy, trong xây dựng nhà ở bằng công nghệ nêu trên, tất cả các loại vật liệu như móng, gạch xây, lanh tô cửa sổ, cửa đi đều được thay bằng gạch bloc tự gắn kết. Tường ngăn trong nhà thì vẫn được xây bằng gạch thông thường, hoặc tấm thạch cao kích thước nhỏ,... Ngoài ra chúng còn có thể được thi công bằng phương pháp đổ liền khối với việc áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhất và các thiết bị tiên tiến. Việc thi công nhà theo công nghệ xây dựng nhanh nêu trên vẫn được thực hiện theo đồ án thiết kế đã lập.

Nguồn: [www.Architecture.ru](http://www.Architecture.ru)  
ND; Huỳnh Phước

## **Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet**

### **Sử dụng rác thải của ngành công nghiệp giấy để sản xuất clinker xi măng**

Một phương pháp mới sử dụng rác thải của ngành công nghiệp giấy để sản xuất clinker xi măng thay cho chôn lấp đã được các nhà khoa học Bồ Đào Nha công bố trên Tạp chí Sáng tạo kỹ thuật vật liệu số tháng 3/2009.

Đã có nhiều báo cáo cảnh báo về sự sụp đổ của ngành công nghiệp sách báo nếu lượng rác thải giấy và bột giấy ngày càng tăng lên theo thời gian. Loại rác thải này bao gồm cả bột, cặn và các chất vô cơ, hữu cơ khác nhau cần được quan tâm quản lý.

Các nhà khoa học của Trường Đại học tổng hợp Minho, Bồ Đào Nha gồm Fernando Castro, Candida Vilarinho và các cộng sự đã nghiên cứu quy trình sản xuất giấy và phát hiện ra cách sử dụng rác thải của ngành công nghiệp giấy làm nguyên liệu sản xuất clinker, vật liệu cơ bản của xi măng poóc-lăng.

Quá trình chế biến gỗ để tạo thành bột cho sản xuất giấy thường liên quan đến xử lý hoá học với natri hydroxit và natri sunfat nhằm tạo ra loại bột có chất lượng cao, nhưng cũng đồng thời thải ra một lượng lớn rác thải. Tuy nhiên, nếu như tận dụng được lượng rác thải đó làm vật liệu xây dựng thì có thể giúp bảo vệ môi trường, không cần phải chôn lấp hàng triệu tấn cặn bột của các nhà máy giấy trên toàn thế giới.

Nhà máy giấy Portucel tại Viana do Castelo, phía bắc Bồ Đào Nha, hàng năm sản xuất khoảng 300.000 tấn giấy từ gỗ thông và gỗ bạch đàn đồng thời thải ra hơn 3000 tấn chất thải cặn, bột nhão.

Các nhà nghiên cứu đang tiến hành sản xuất thử ở quy mô công nghiệp với clinker thường và clinker có trộn bột và cặn giấy với tỷ lệ theo thứ tự là 0,25% và 0,13%. Họ xử lý các nguyên liệu đó giống như xử lý nguyên liệu thông thường cho sản xuất xi măng, sau đó thí nghiệm thành phần hoá học và mức độ tổn thất

thành phần hoá học của chúng. Các sản phẩm cuối cùng được tạo ra đảm bảo các tính chất như xi măng thông thường, không tạo ra các chất độc hại. Trong quá trình sản xuất thử tại nhà máy sản xuất clinker Secil ở Maceira –Leiria, chất lượng khí phát thải đã được kiểm nghiệm và không phát hiện được bất kỳ tác hại đáng kể nào do sử dụng rác thải của ngành công nghiệp giấy để sản xuất clinker.

Theo nhóm nghiên cứu, các kết quả nói trên đã cho thấy việc sử dụng rác thải của ngành công nghiệp giấy cho sản xuất xi măng là khả thi, mang lại các hiệu quả môi trường và kinh tế.

<http://www.azobuild.com>

### **Công ty Rio Tinto của Australia cắt giảm lao động do nhu cầu về nhôm sụt giảm**

Theo hãng tin Tân Hoa ngày 7/4/2009, Công ty TNHH sản xuất nhôm Rio Tinto của Australia đã ra thông báo sẽ cắt giảm 135 lao động làm việc đủ giờ và 570 lao động theo hình thức khoán sau khi giảm khai thác quặng bôxít tại mỏ quặng Weipa của Công ty tại Queensland và trì hoãn dự án xây dựng mở rộng nhà máy tuyển quặng.

Theo ông Steven Hodgson – Giám đốc nhà máy nhôm và bôxít Alcal của Công ty Rio Tinto thì ngay cả khi sản lượng nhôm đã bị cắt giảm khoảng 21 triệu tấn/năm kể từ khi bắt đầu khủng hoảng, bao gồm việc cắt giảm 12 triệu tấn sản lượng từ tháng 1/2009 đến nay, thì giá nhôm cũng rất khó tăng lên. Hiện nay tất cả các bộ phận kinh doanh của nhà máy Alcan đều thực hiện tiết kiệm chi phí nhằm giảm thiểu chi phí và bảo toàn vốn. Tất cả những người lao động bị ảnh hưởng do cắt giảm lao động sẽ được công ty đảm bảo đầy đủ quyền lợi và hỗ trợ các điều kiện cần thiết.

Theo giá nhôm hiện nay thì có khoảng 70% các doanh nghiệp trong ngành sản xuất và chế biến nhôm đang bị thua lỗ.

<http://www.chinaview.cn>



## Các đặc điểm thấm của bê tông tự đầm

Tác giả: Mohammed Sonebi và Sreejith Nanukuttan

Tạp chí Vật liệu số 2/2009 – Viện Bê tông Mỹ (ACI)

Tính thấm của bê tông bị ảnh hưởng bởi độ xốp rỗng, sự liên kết thông nhau giữa các lỗ rỗng trong hồ xi măng và các vi nứt trong bê tông, đặc biệt ở chỗ tiếp giáp giữa hồ xi măng và cốt liệu. Sự vận động của khí, chất lỏng và các ion trong bê tông là rất quan trọng do sự tương tác của chúng với các thành phần của bê tông, bao gồm cả nước lỗ rỗng, có thể làm thay đổi tính chất của bê tông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, dẫn đến phá hoại kết cấu. Bài viết này giới thiệu các kết quả nghiên cứu sự tác động của các hỗn hợp trộn đến độ bền của bê tông tự đầm (SCC) cường độ cao và trung bình. Các hỗn hợp trong nghiên cứu này sử dụng các phụ gia khoáng khác nhau như bột đá vôi (LSP) tro nhiên liệu nghiền (PFA) và phụ gia dẻo (VMA) cho cả bê tông SCC cường độ cao và trung bình. Sự thấm khí, thấm nước, hấp phụ mao dẫn và sự khuếch tán chloride được sử dụng để đánh giá độ bền của các hỗn hợp bê tông RCC so với bê tông thông thường sử dụng đầm. Các kết quả cho thấy, bê tông RCC cường độ cao và trung bình sử dụng phụ gia PFA sau đó là LSP có đặc tính thấm thấp hơn so với bê tông thông thường. Bê tông SCC sử dụng phụ gia VMA có tính thấm khí và nước cao hơn

so với các hỗn hợp bê tông SCC khác.

<http://www.concrete.org>

## Mô phỏng sự thủy hoá của xi măng hỗn hợp tro bay hàm lượng canxi thấp

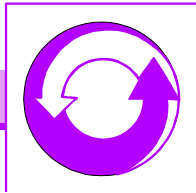
Tác giả: Xiao-Yong Wang, Han-Seung Lee

Tạp chí Vật liệu tháng 2/2009 – Viện bê tông Mỹ (ACI)

Tro bay có hàm lượng canxi thấp (FL) được sử dụng phổ biến làm phụ gia khoáng cho bê tông thường và bê tông cường độ cao. Sự thủy hoá của xi măng hỗn hợp có phụ gia tro bay phức tạp hơn nhiều so với xi măng poóclăng thường do sự hoạt hoá pozzolan ở pha nhôm silicat tinh thể trong tro bay. Bài viết này giới thiệu một mô hình thủy hoá động lực học dựa trên lý thuyết đa thành phần và có thể mô phỏng sự thủy hoá của xi măng hỗn hợp FL. Mô hình đề xuất bắt đầu với thành phần của hỗn hợp bê tông và xem xét cả sự thủy hoá xi măng poóclăng và hoạt hoá pozzolan. Thông qua việc áp dụng mô hình có thể dự báo các đặc tính thủy hoá của xi măng hỗn hợp FL cũng như thời gian thủy hoá: tỷ lệ phản ứng của tro bay, hàm lượng hydroxit canxi, sự phát triển nhiệt và cường độ của bê tông FL. Các kết quả dự báo thu được từ mô hình đã được kiểm chứng phù hợp với các kết quả thí nghiệm.

<http://www.concrete.org>

Biên tập tin; Quỳnh Anh - Minh Tuấn



## **Bộ trưởng Bộ Xây dựng kiểm tra kết quả thực hiện dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại Hà Nội và tỉnh Vĩnh Phúc**

Ngày 27/3/2009, đoàn công tác của Bộ Xây dựng do Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân dẫn đầu đã đi kiểm tra các dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp do Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu xây dựng Việt Nam (VINACONEX) đang triển khai tại Xuân Mai, Kim Chung (Hà Nội), Tp. Vinh Yên (Vĩnh Phúc).

Hiện nay, Tổng Công ty Vinaconex đang thực hiện 3 mô hình xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp. Tại Xuân Mai là mô hình xây dựng nhà ở cho công nhân do Công ty CP bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai làm chủ đầu tư xây nhà để bán cho cán bộ công nhân viên và một số khách hàng khác ngoài xã hội trên cơ sở quỹ đất hiện có của Công ty. Trong dự án này, chủ đầu tư đã chú trọng vấn đề đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bao gồm xây dựng trường mầm non, trường cấp 1, cấp 2, trung tâm y tế, vườn hoa, bể bơi để vừa phục vụ cho các đối tượng thụ hưởng của dự án vừa phục vụ cho cộng đồng xung quanh. Quy mô các căn hộ trong dự án này từ 50-60m<sup>2</sup> với giá bán khoảng trên dưới 4 triệu đồng/m<sup>2</sup>.

Tại dự án khu nhà ở Kim Chung, Tổng Công ty Vinaconex đã hoàn thành 14 khối nhà trên tổng số 16 khối nhà trong dự án của Tổng Công ty. Đây là mô hình xây dựng nhà ở xã hội, chủ đầu tư là thành phố Hà Nội, Vinaconex là nhà thầu thi công xây lắp. Sau khi hoàn thành xây dựng, Vinaconex bàn giao quỹ nhà cho thành phố để làm nhà cho công nhân thuê. Hiện nay đã có 2 khối nhà đã có công nhân vào ở. Các khối nhà được xây dựng trên khuôn viên khá rộng rãi, giữa các khối nhà có sân chơi, tuy nhiên các công trình hạ tầng xã hội chưa được đầu tư.

Tại Vinh Yên, UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân và Bí thư Tỉnh uỷ Vĩnh Phúc Trịnh Đình Dũng kiểm tra dự án xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp tại TP. Vinh Yên

đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tạo các cơ chế ưu đãi, TCty Vinaconex làm chủ đầu tư để xây dựng nhà ở giá rẻ để bán cho các đối tượng do tỉnh quyết định. Được sự quan tâm của Tỉnh uỷ và các cấp, ngành địa phương, sự cố gắng nỗ lực của đơn vị chủ đầu tư, dự án xây dựng nhà chung cư cho người có thu nhập thấp quy mô 3,8 ha tại phường Liên Bảo, xã Định Trung, thành phố Vinh Yên đã và đang được triển khai có hiệu quả đáp ứng nhu cầu nhà ở cho cán bộ, CNV lao động có mức thu nhập thấp. 2/4 nhà chung cư 5 tầng đã hoàn thiện giao hết cho các chủ sử dụng. Hai nhà chung cư còn lại đã xây dựng xong phần thô và được các chủ hộ đăng ký đạt trên 90% số căn hộ.

Theo ông Trịnh Đình Dũng – Bí thư tỉnh uỷ Vĩnh Phúc, hiện nay, nhu cầu về nhà ở của các đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc là rất lớn. Vĩnh Phúc là tỉnh đang phát triển có tốc độ phát triển rất cao, bên cạnh đó chênh lệch thu nhập của các khu vực dân cư,

của những người dân rất khác nhau trong đó số người có thu nhập thấp rất nhiều. Những cán bộ, công chức, người lao động, sinh viên... có những khó khăn về tiếp cận nhà ở. Chính vì vậy Vĩnh Phúc rất quan tâm đến việc xây dựng nhà ở để phục vụ cho các đối tượng này.

Theo Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, sắp tới Chính phủ sẽ ban hành một số cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nhà ở cho công nhân, sinh viên và người có thu nhập thấp. Các dự án nhà ở cho người thu nhập thấp và nhà ở xã hội do Vinaconex đang thực hiện đã cho thấy việc xây dựng nhà ở giá rẻ là hoàn toàn có thể thực hiện được nếu các địa phương tích cực quan tâm và tạo cơ chế chính sách hỗ trợ về quỹ đất và giải phóng mặt bằng, ưu đãi về thuế...thì có thể thu hút được đồng đảo các doanh nghiệp tham gia phát triển loại nhà này phục vụ cho nhu cầu nhà ở của xã hội.

Tổng Công ty Vinaconex là doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng tiên phong trong lĩnh vực



Một góc khu nhà ở xã hội dành cho công nhân tại Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội

phát triển nhà ở xã hội và nhà ở cho người thu nhập thấp tại nhiều địa phương trên toàn quốc. Trong chương trình phát triển nhà ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, Vinaconex đã hoàn thành bàn giao 31.000 căn hộ cho các địa phương trong phạm vi Chương trình./,

Minh Tuấn

## **Lễ ký biên bản hợp tác sản xuất chương trình giữa Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông VIT và Báo Xây dựng**

Ngày 1/4/2009 tại Hà Nội đã diễn ra Lễ ký biên bản hợp tác sản xuất chương trình giữa Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông VIT Media và Báo Xây dựng - Bộ Xây dựng. Đến dự và chứng kiến Lễ ký có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, đại diện lãnh Vụ Tổ chức Cán bộ, Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng, Tập đoàn VIT và các báo, đài Trung ương và Hà Nội.

VIT là tập đoàn tư nhân đa ngành hàng đầu Việt Nam và khu vực hoạt động trên các lĩnh vực tài chính ngân hàng, bất động sản, sản xuất, thương mại, du lịch, công nghệ thông tin và truyền thông.... được thành lập năm 1991 tại Cộng Hoà Liên bang Nga. Sau 17 năm hoạt động và trưởng thành, Tập đoàn VIT đã đạt



Lễ ký Biên bản hợp tác giữa VIT Media và Báo Xây dựng

được những thành tựu quan trọng và tạo dựng được uy tín, sự tin cậy đối với khách hàng trong nước và quốc tế. Sản phẩm, dịch vụ của Tập đoàn đã có mặt trên khắp các tỉnh và thành phố

của Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới như Nga, Ukraina, Đức, Anh, Mỹ, Nhật ...

VIT Media là công ty thành viên của Tập đoàn VIT hoạt động trong lĩnh vực truyền hình, quảng cáo và truyền thông.

Đại diện Công ty VIT Media và Báo Xây dựng đã ký kết thỏa thuận biên bản hợp tác sản xuất chương trình. Qua đó, VIT Media sẽ sản xuất một kênh truyền hình trên VTC 8, với thời lượng phát sóng 6 tiếng mỗi ngày nhằm cung cấp một nguồn thông tin mới cho người dân kịp thời, tin cậy và chính xác những thông tin liên

quan đến các lĩnh vực của ngành Xây dựng đặc biệt là về thị trường bất động sản và nhà ở.

Cả hai bên đều bày tỏ sự hy vọng, với quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa báo viết và báo hình, cùng một đội ngũ năng động, nhiệt tình, ham mê sáng tạo, giàu kinh nghiệm sẽ tạo nên một kênh truyền hình hấp dẫn, cung cấp cho khán giả những thông tin cập nhật nhất trong lĩnh vực xây dựng./.

**Nghiêm Thuý Giang**

## **Tổng Công ty xi măng Việt Nam sơ kết công tác sản xuất - kinh doanh Quý I/2009**

Ngày 3/4/2009, Tổng Công ty xi măng Việt Nam (VICEM) đã tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình sản xuất - kinh doanh Quý I/2009.

Theo báo cáo của Tổng Công ty, trong Quý I/2009, do ảnh hưởng của Tết nguyên đán và tình hình suy giảm kinh tế chung của cả nước, nên sản lượng tiêu thụ 2 tháng đầu năm không cao, sang tháng 3, tốc độ tiêu thụ tăng cao làm cho mức tăng tiêu thụ của cả Quý I/2009 đạt 5,5% so với cùng kỳ năm 2008.

Thị phần tiêu thụ xi măng Quý I/2009 của VICEM giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2008, tốc độ tăng về tiêu thụ xi măng của VICEM thấp hơn mức tăng chung toàn xã hội (4,9%/5,5%) do nguồn cung xi măng trong tháng 3/2009 của một số đơn vị thành viên bị hạn chế (Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Hà Tiên 1...). Tổng sản phẩm

tiêu thụ của VICEM thực hiện trong Quý I là 3.739 tấn, trong đó xi măng (XM) 3.718 tấn, clinke 21 tấn theo thứ tự đạt 98,6%, 100,8% và 20,6% kế hoạch của Quý I.

Do hai tháng đầu năm tiêu thụ chậm các công ty sản xuất đều tập trung sửa chữa lớn thiết bị và phải xử lý một số sự cố nên sản lượng clinke, xi măng bột của Quý I/2009 của VICEM không đạt mục tiêu đã đề ra (sản lượng đạt 95,1 và 93,8%). Tính đến 31/3/2009, tổng sản phẩm tồn kho của VICEM xấp xỉ 0,82 triệu tấn, riêng tồn clinke xấp xỉ 0,67 triệu tấn (xi măng Hoàng Mai tồn 217.000 tấn clinke).

Trong Quý I/2009, toàn Tổng Công ty ước thực hiện khoảng 4.098 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận trước thuế đạt 285 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước.



Do giá điện tăng từ ngày 1/3/2009 làm tăng chi phí sản xuất bình quân toàn VICEM khoảng 5.000đ/tấn xi măng, một số đơn vị dừng sản xuất để sửa chữa thiết bị, sản lượng sản xuất clinker thấp cũng làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của VICEM.

Giá trị đầu tư thực hiện trong Quý I/2009 của VICEM đạt 1.503 tỷ đồng, bằng 21.48% kế hoạch ngân sách năm 2009, trong đó xây lắp đạt 443,9 tỷ đồng, thiết bị 245,6 tỷ đồng và đầu tư khác 361,5 tỷ đồng. Các dự án trọng điểm của Tổng Công ty như Xi măng Hoàng Thạch 3, Xi măng Bút Sơn 2, Dây chuyền mới Xi măng Bỉm Sơn đã được khẩn trương thực hiện thi công các hạng mục công trình chính trong dây chuyền, bàn giao từng phần cho lắp máy, phần đấu đưa vào vận hành sớm. Các dự án khác như xi măng Bình Phước, Trạm nghiền xi măng Quận 9, Trạm nghiền Long An về cơ bản đạt các mốc tiến độ đề ra. Riêng các dự án Trạm nghiền xi măng Cam Ranh, Quảng Trị thi công

chậm, phần xây lắp hầu như không thực hiện được, nếu như chủ đầu tư và Ban quản lý không có biện pháp cấp bách thì dự án không thể kết thúc trong Quý II/2009.

Theo dự kiến của VICEM, trong quý II/2009, nhu cầu xi măng sẽ tiếp tục tăng cao do tháng 4, tháng 5 là những tháng cao điểm của mùa xây dựng và các biện pháp kích cầu của Chính phủ tập trung vào đầu tư xây dựng sẽ làm tăng nhu cầu xi măng, VICEM đã đề ra mục tiêu sản xuất 5.225.000 tấn xi măng và 2.479.000 tấn clinke, tổng sản phẩm tiêu thụ đạt 5.319.000 tấn, triển khai các biện pháp để chuẩn bị xuất khẩu xi măng, clinke; tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm của Tổng Công ty; phát động phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phấn đấu hoàn thành mục tiêu Quý II/2009 và 6 tháng đầu năm của toàn VICEM.

Minh Tâm

## **Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị kỷ niệm 01 năm ngày ra mắt và sơ kết công tác Quý I/2009**

Ngày 2/4/2009, Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (Bộ Xây dựng) đã tổ chức kỷ niệm 01 năm ngày ra mắt Học viện và sơ kết công tác Quý I/2009. Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, tiền thân là Trường quản lý kinh tế xây dựng thành lập tháng 7/1975, trải qua các thời kỳ thay đổi về tổ chức, Trường được đổi tên thành Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị theo Quyết định số 468/QĐ-BXD ngày 02/4/2008 của Bộ Xây dựng.

Theo báo cáo của Học viện, sau một năm kể từ ngày ra mắt, Học viện đã tiến hành củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức gồm 15 đơn vị trực thuộc, trong đó có 2 viện, 3 khoa, 3 trung tâm, 5 phòng và 2 phân viện tại miền Nam và miền Trung; hoàn thiện các nội quy, quy chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ mới; bổ sung đội ngũ giáo viên; nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế cũng



Ông Phạm Xuân Điều - Giám đốc Học viện báo cáo tại Hội nghị sơ kết công tác Quý I của Học viện được triển khai đồng đều và hiệu quả. Với những nỗ lực và thành tích đã đạt được, năm 2008, Học viện đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và được Chính phủ tặng cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.

Trong Quý I/2009, Học viện đã tổ chức được

42 lớp với hơn 4.000 học viên, trong đó có 01 lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý xây dựng xã, phường tại Đắc Nông, 01 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về quản lý bất động sản và quản lý quy hoạch xây dựng tại Lai Châu; 07 lớp tập huấn Nghị định 12 tại Học viện, Đà Nẵng, Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh; 01 lớp bồi dưỡng phòng thí nghiệm tại Đà Nẵng; 01 lớp bồi dưỡng hoàn công công trình tại Hà Nội và các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khác.

Học viện tiếp tục triển khai xây dựng các chương trình đào tạo bồi dưỡng; tiến hành thủ tục đăng ký thêm 01 nhiệm vụ KHCN và Môi trường cấp Bộ về nghiên cứu và đề xuất các cơ chế chính sách phục vụ việc ban hành Nghị định về chiếu sáng và cây xanh đô thị, Thông tư về thi tuyển thiết kế kiến trúc công trình xây dựng, về Quản lý và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Công tác hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo đã được Học viện triển khai tích cực trong Quý I/2009, như trao đổi với đối tác Trung Quốc tổ chức lớp quản lý nhà nước về xây dựng, lớp Quy hoạch và thiết kế đô thị tại Trung Quốc, tiến hành chiêu sinh chương trình học bổng nghiên cứu sinh và thạc sĩ tại Trung Quốc. Ngoài ra, Học viện vẫn tiếp tục phối hợp với Ngân hàng thế giới thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng kiến thức quản lý đô thị cho các nhà quản lý đô thị; làm việc với Đại sứ quán Hàn Quốc về chương trình khảo sát cho dự án sự nghiệp kinh tế "Điều tra, khảo sát đánh giá thực trạng nguồn nhân lực ngành Xây dựng, đề xuất định hướng phát triển nguồn nhân lực ngành Xây dựng đến năm 2020"; trao đổi với các đối tác của Vương quốc Anh để mở lớp tiếng Anh nâng cao cho cán bộ của Học viện.

Trong Quý I/2009, lực lượng giáo viên đã trực tiếp tham gia giảng dạy gần 800 giờ cho các chương trình như: bồi dưỡng kiến thức về quản lý xây dựng cho xã, phường; bồi dưỡng quản lý dự án và nghiệp vụ đấu thầu; bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát; chương trình tiếng Anh chuyên ngành xây dựng... Bên cạnh công tác

giảng dạy, giáo viên của Học viện còn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, nghiên cứu cập nhật kiến thức cho các chuyên đề đang giảng và các chuyên đề mới, ví dụ như: Biên soạn tài liệu Tiếng Anh trong thương thảo và ký kết hợp đồng xây dựng; Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng thi nâng ngạch chuyên viên cao cấp, kỹ sư cao cấp, kiến trúc sư cao cấp; Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng tiền Công vụ ngành Xây dựng, cán sự ngành Xây dựng và Đội viên thanh tra xây dựng...

Trong kế hoạch công tác Quý II/2009, bên cạnh các công tác tổ chức và văn phòng Học viện sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng, tập huấn, dự kiến sẽ tổ chức khai giảng 62 lớp với 4449 học viên, gồm các lớp quản lý dự án và đấu thầu, nghiệp vụ định giá, nâng ngạch viên chức chuyên môn nghiệp vụ, nghiệp vụ giám sát, quản lý đô thị, tiếng Anh chuyên ngành xây dựng, cao cấp lý luận chính trị K17...



Đêm giao lưu văn nghệ chào mừng 01 năm ngày ra mắt Học viện

Nhân dịp kỷ niệm 1 năm ngày ra mắt và sơ kết công tác Quý I/2009, Học viện đã tổ chức đêm giao lưu văn nghệ với sự tham gia của chi đoàn thanh niên 4 đơn vị gồm: Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Tổng Công ty tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC), Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư và thiết kế xây dựng Việt Nam (CDC), Viện Kiến trúc, Quy hoạch đô thị và nông thôn Bộ Xây dựng.

**Minh Tuấn**

## Hội nghị Mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố

Ngày 20/3/2009 Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị Mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố. Đến dự Hội nghị có lãnh đạo Bộ Xây dựng, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, UBND thành phố Hà Nội, đại diện Bộ Nội vụ, Vụ Kiến trúc - Quy hoạch Bộ Xây dựng và một số cơ quan liên quan, nhằm tổng kết những kết quả đạt được, đánh giá những mặt được và chưa được của mô hình trên trong thời gian thí điểm ở 2 thành phố đặc biệt trong nước, lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức liên quan phục vụ cho việc xây dựng Đề án Kiến trúc sư trưởng thành phố ở nước ta.

Đô thị do loài người sáng tạo nên nhằm phục vụ cho mục đích sinh sống, làm việc, giao lưu văn hoá. Đô thị bao gồm thành phố, thị xã và thị trấn. Khi thành phố đã phát triển (đến một quy mô nhất định) thì việc quản lý sự phát triển nhằm duy trì tính đặc thù để tạo bản sắc riêng của thành phố là cần thiết. Mặt khác, tính thống nhất, hài hoà trong xây dựng các công trình kiến trúc mới, các công trình phục vụ hoạt động chung của thành phố như: Tượng đài, công viên, quảng cáo, công trình kỹ thuật đô thị,... đòi hỏi có sự giám sát quản lý chặt chẽ và xuyên suốt ngay từ khi có ý tưởng và quá trình lập dự án để đầu tư xây dựng cho phù hợp với đặc điểm tự nhiên, văn hoá mỗi vùng và những bản sắc riêng của thành phố.

Bộ mặt của phố phường thể hiện cho sức sống của đô thị, trình độ văn minh của cộng đồng, ý thức, kỷ cương và trình độ tổ chức xã hội. Vì vậy, sự phát triển của đô thị cần được quản lý, trong đó quản lý quy hoạch, kiến trúc có tầm quan trọng để duy trì sự hài hoà, trật tự và có bản sắc của mỗi đô thị.

Có thể nói, để giữ vai trò “nhạc trưởng” của đô thị cần có một nhân tố mới tích cực, chuyên sâu trực tiếp tác động và có ảnh hưởng lớn đến các chiến lược phát triển và duy trì tính thống nhất và hài hoà, tạo dựng được phương pháp

biểu đạt bản sắc của đô thị.

Cùng với cải cách và mở cửa, từ một nền kinh tế kế hoạch, tập trung chuyển sang nền kinh tế thị trường, trong xã hội xuất hiện nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia các hoạt động xây dựng đô thị, mỗi bộ phận có mục đích, lợi ích khác nhau, tạo ra sản phẩm riêng của mình. Bên cạnh những ưu điểm tích cực của nó, xuất hiện nhiều tác động tiêu cực. Những nguyên tắc xây dựng đô thị truyền thống bị đảo lộn, trật tự kiến trúc bị phá vỡ, đô thị mất đi sự thống nhất của nó, việc quản lý xây dựng đô thị trở nên khó khăn, phức tạp.

Để tìm giải pháp khắc phục thực trạng trên, học tập kinh nghiệm một số nước trên thế giới, các nhà quản lý xây dựng đô thị nước ta đã nghiên cứu, đề xuất một hình thức quản lý mới, dựa theo mô hình của một số nước XHCN ở Đông Âu, dẫn đến sự ra đời của mô hình Kiến trúc sư trưởng được áp dụng thí điểm ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 1992 đến năm 2001.

Ngày 13/7/1992 Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã có quyết định số 276/CT về việc thực hiện chế độ Kiến trúc sư trưởng ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh sau đó quyết định trên đã được cụ thể hoá bằng Quyết định số 298/BXD-CTLĐ ngày 24/6/1992 ban hành Quy chế hoạt động của Kiến trúc sư trưởng thành phố Hà Nội và Quyết định số 83/BXD-CTLĐ ngày 10/4/1993 ban hành Quy chế hoạt động của Kiến trúc sư trưởng thành phố Hồ Chí Minh. Các quyết định trên đã nêu chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Kiến trúc sư trưởng thành phố. Sau 10 năm hoạt động, mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố áp dụng thí điểm tại thành phố Hà Nội đã chuyển thành Sở Quy hoạch kiến trúc năm 2002 và thành phố Hồ Chí Minh năm 2003.

Sau 10 năm áp dụng mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy việc thành lập cơ

quan chuyên trách về quản lý quy hoạch kiến trúc và xây dựng đô thị bước đầu đạt được một số kết quả sau:

- Cùng với sở, ban ngành và các cơ quan chuyên trách về quản lý kiến trúc quy hoạch xây dựng đô thị, Kiến trúc sư trưởng thành phố đã có một số đóng góp cho việc quản lý xây dựng đô thị và cảnh quan môi trường, bước đầu đưa công tác quản lý đầu tư xây dựng và phát triển đô thị ở hai thành phố lớn nước ta đi vào nề nếp.

- Với sự hoạt động của bộ máy Kiến trúc sư trưởng, vai trò quan trọng của quy hoạch đô thị được xác lập, đồng thời làm hình thành trong người dân đô thị ý thức khi xây dựng công trình phải tuân thủ các quy định về quản lý đầu tư xây dựng, phải có thiết kế phù hợp với quy hoạch xây dựng và các quy định về kiến trúc, cảnh quan đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trước khi xây dựng phải xin phép các cơ quan quản lý xây dựng và thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật. Sự hình thành được ý thức đó cũng là một sự thay đổi lớn trong tâm thức của người dân đô thị.

- Thành phố đã xuất hiện một số khu phố mới khang trang, với những công trình kiến trúc có hình khối, bố cục, đường nét của kiến trúc hiện đại, thể hiện sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Bên cạnh đó việc áp dụng mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố trong bối cảnh kinh tế, xã hội nước ta ở vào thời kỳ đầu của công cuộc đổi mới không thể không xuất hiện những thách thức. Sau một thời gian hoạt động, mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố đã bộc lộ những bất cập trong khâu tổ chức, hoạt động thể hiện ở một số điểm sau:

- Mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố là cơ quan hành chính sự nghiệp về quy hoạch - kiến trúc với rất nhiều chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trên một bình diện quản lý rất rộng. Nếu mô hình Kiến trúc sư trưởng thành phố như một cơ quan hành chính công,

thì chức năng tham mưu về chuyên môn sâu sẽ không còn là nhiệm vụ chính yếu. Trong đó việc tham mưu tốt nhất, đầy đủ, chính xác nhất của Kiến trúc sư trưởng thành phố chính là lập các đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thành phố chưa được thực hiện.

- Cá nhân Kiến trúc sư trưởng thành phố đã bị công chức hoá. Kiến trúc sư trưởng thành phố là chức danh cá nhân, thể hiện tính chuyên môn nghề nghiệp chuyên sâu về quy hoạch - kiến trúc, vai trò tư vấn tham mưu cho chính quyền ở lĩnh vực quản lý quy hoạch - kiến trúc và phát triển đô thị. Nhưng do Kiến trúc sư trưởng làm việc như công chức cho nên không còn nhiều thời gian nghiên cứu chuyên sâu để thực hiện chức năng chính là tham mưu.

- Kiến trúc sư trưởng thành phố là người theo dõi việc thực hiện đồ án quy hoạch xây dựng nhưng lại có chức năng điều chỉnh quy hoạch, thoả thuận quy hoạch mặt bằng nên đã nảy sinh bất cập.

- Hình thức bổ nhiệm Kiến trúc sư trưởng thành phố tuy đề cao được vai trò nhưng có những khía cạnh chưa tương thích với cơ cấu tổ chức trong hệ thống hành chính của UBND thành phố vào thời điểm đó. Vì vậy, đôi lúc đã xuất hiện sự thiếu đồng thuận trong giải quyết công việc giữa Kiến trúc sư trưởng thành phố và một số cơ quan chuyên môn của tỉnh, thành phố.

Trong thập niên 1990, hệ thống văn bản pháp luật về quản lý và đầu tư xây dựng tuy đã có nhưng còn thiếu và chưa đồng bộ. Vào thời điểm đó, thực tế là ý thức của cộng đồng đối với đô thị, cách ứng xử của người dân trong việc thực thi pháp luật về xây dựng và quản lý kiến trúc đô thị chưa cao nên cũng ảnh hưởng không ít đến hoạt động của chế độ Kiến trúc sư trưởng thành phố ở 2 thành phố lớn nhất nước.

Trước thực trạng trên, mô hình thí điểm Kiến trúc sư trưởng thành phố đã được chuyển đổi cho phù hợp với thực tiễn giai đoạn tiếp sau đó.

Thực tế cho thấy vai trò tham mưu, tư vấn và cơ chế hoạt động của Kiến trúc sư trưởng rất được Chính phủ coi trọng và cần thiết đối với



việc quản lý phát triển và bảo tồn giá trị đặc trưng của các thành phố, đô thị đặc thù trong quá trình hội nhập sâu với khu vực và quốc tế.

Các đại biểu tham dự Hội nghị đã đóng góp nhiều ý kiến hết sức bổ ích và cần thiết cho việc

xây dựng Đề án Kiến trúc sư trưởng thành phố cũng như việc biên soạn Luật Quy hoạch đô thị ở nước ta.

Huỳnh Phước

## **Thành phố Nha Trang được đề nghị công nhận là đô thị loại I**

Thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà) nằm trên hành lang phát triển Bắc - Nam và Đông - Tây, là đầu mối giao thông quan trọng quốc gia, của vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Vùng Tây Nguyên. Thành phố cũng là một trung tâm du lịch biển, du lịch văn hoá của cả nước, là trung tâm khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo và dịch vụ của Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Vùng Tây Nguyên, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của tỉnh Khánh Hoà, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

Thành phố Nha Trang có diện tích tự nhiên là 252,6 km<sup>2</sup> gồm 19 phường và 8 xã, dân số 371.879 người, nằm ở vị trí trung tâm của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ, trên tuyến giao thông quan trọng Bắc Nam, có nhiều lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực và vị trí địa lý trong chiến lược phát triển kinh tế biển. Tỉnh Khánh Hoà nói chung và Nha Trang nói riêng có điều kiện để trở thành một trung tâm phát triển, là động lực góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển kinh tế xã hội; văn hoá đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái, phát triển hệ thống đô thị của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ.

Ngày 22/4/1999 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 106/1999/QĐ-TTg công nhận thành phố Nha Trang là đô thị loại II. Kể từ đó thành phố đã có quá trình nỗ lực phát huy nâng cao vai trò và vị thế của đô thị loại II trên một số phương diện đặc thù như:

- Thành phố Nha Trang có vịnh Nha Trang được công nhận là một trong những vịnh đẹp



Một góc thành phố biển Nha Trang

trên thế giới. Vịnh Nha Trang có vùng biển đa dạng về sinh thái phù hợp để phát triển du lịch - dịch vụ biển và các ngành nghề liên quan thủy sản. Thành phố Nha Trang ngày càng thể hiện rõ vai trò là một trung tâm du lịch, văn hoá và là điểm đến có sức hấp dẫn đối với du khách quốc tế. Lượng khách du lịch đến thành phố hàng năm tăng nhanh, năm 2007 đạt hơn 1,3 triệu lượt khách tăng 25% so với năm 2006 và tăng 50% so với năm 2005.

- Thành phố có vai trò là trung tâm nghiên cứu khoa học và giáo dục chuyên nghiệp của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ. Các trung tâm nghiên cứu khoa học và giáo dục trên địa bàn thành phố không những đáp ứng yêu cầu về chính trị, an ninh quốc phòng mà còn cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho tỉnh Khánh Hoà, cho khu vực và cho cả nước, đồng thời có nhiều đóng góp cho nền khoa học nước nhà.

Trong những năm qua, Đảng bộ và nhân dân thành phố Nha Trang đã phát huy nội lực, tập trung mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển thành phố theo quy hoạch. Thành phố đã

có bước phát triển quan trọng và đã đạt được kết quả khá quan trọng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng và xây dựng hạ tầng đô thị.

Tình hình kinh tế của thành phố trong những năm qua luôn phát triển ổn định. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm giai đoạn năm 2003 - 2007 tăng 13,13%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14,87%, giá trị thương mại - dịch vụ tăng 15.54%. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà thành phố đã đạt được: Thu ngân sách trên địa bàn năm 2007 là 1.070.221 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương năm 2007 là 409,155 tỷ đồng đạt cân đối dư trên địa bàn; GDP bình quân đầu người năm 2007 là 1.779,8 USD. Tỷ lệ hộ nghèo là 4,85%.

Hàng năm, thành phố dành gần 100 tỷ đồng cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, trong đó đã đầu tư phát triển kinh tế trọng tâm theo cơ cấu: Du lịch - dịch vụ - công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp (phục vụ công nghiệp, dịch vụ du lịch), nhằm khai thác thế mạnh là tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên du lịch, vị trí địa lý, con người, các yếu tố lịch sử văn hoá truyền thống. Thành phố đã đầu tư nâng cấp và xây dựng mới kết cấu hạ tầng để cải thiện một bước bộ mặt đô thị, nông thôn theo hướng kết hợp làm tốt nhiệm vụ bảo tồn các giá trị văn hoá lịch sử truyền thống với việc hiện đại hoá theo định hướng quy hoạch đã được phê duyệt. Ngoài ra các thành phần kinh tế khác đã tham gia thực hiện nhiều dự án đầu tư xây dựng như các khu dân cư, khu đô thị mới, các công trình y tế, giáo dục, dịch vụ thương mại, du lịch,... đã góp phần

làm thay đổi bộ mặt đô thị Nha Trang ngày càng văn minh, hiện đại.

Trong những năm gần đây, thành phố tổ chức thành công Lễ hội "Festival Biển" nhằm phát huy quan hệ giao lưu văn hóa xã hội trên trường quốc tế cũng như trong nước. Với tiềm năng, vị trí và thực tế nắm bắt cơ hội phát triển, thành phố Nha Trang đã có những bước phát triển quan trọng cả về kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hạ tầng đô thị...

Ngày 26/3/2009 Bộ Xây dựng đã tổ chức thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Nha Trang tỉnh Khánh Hoà đạt tiêu chuẩn của đô thị loại I. Hội đồng đã tiến hành đánh giá phân loại thành phố theo các tiêu chí phân loại đô thị và nhất trí thành phố đạt các tiêu chí của đô thị loại I. Trên cơ sở kết quả thẩm định Bộ Xây dựng sẽ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét công nhận thành phố Nha Trang là đô thị loại I.

Được công nhận là đô thị loại I, thành phố Nha Trang sẽ có điều kiện thuận lợi tiếp tục phát triển nhanh hơn và toàn diện hơn trong thời gian tới; phát huy tốt hơn các lợi thế và thực hiện tốt hơn vai trò chức năng của một trung tâm kinh tế biển và trung tâm văn hoá quan trọng của miền Trung và của cả nước, góp phần đẩy mạnh quá trình thực hiện định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2020, đồng thời tạo điều kiện cho việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá ngày càng sâu rộng trên trường quốc tế, thực hiện mục tiêu hội nhập quốc tế một cách thành công và bền vững.

Huỳnh Phước

## **Thành phố Long Xuyên được đề nghị công nhận là đô thị loại II**

Thành phố Long Xuyên là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, khoa học kỹ thuật và dịch vụ, tỉnh lỵ của tỉnh An Giang, là đầu mối giao thông quan trọng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Với dân số đứng thứ 2 trong vùng đồng bằng

sông Cửu Long chỉ sau thành phố Cần Thơ, thành phố nằm trên hành lang kinh tế đô thị quốc gia, quốc tế theo các tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Phnom Penh, quốc lộ 91, đường N2 và sông Hậu.

Thành phố Long Xuyên có vai trò đặc biệt

quan trọng về địa lý kinh tế - chính trị đối với tỉnh An Giang, vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Nằm trên dòng sông Hậu thuộc hạ lưu của hệ thống sông Mê Kông giàu tiềm năng phát triển văn hoá, đất đai, nguồn nước, thủy sản, phát triển kinh tế thương mại, dịch vụ du lịch. Long Xuyên nằm trên các hành lang kinh tế đô thị quốc tế và quốc gia: Sông Hậu nối các nước tiểu vùng sông Mê Kông với biển Đông. Đường bộ cao tốc và đường sắt, quốc lộ 91 nối thành phố Cần Thơ - Long Xuyên với thủ đô Phnôm pênh (Campuchia) và khung Xuyên á.

Các trường đại học, cao đẳng của tỉnh An Giang đều nằm trên địa bàn thành phố thu hút học sinh - sinh viên của tỉnh An Giang và các tỉnh khác trong vùng. Năm học 2007 - 2008 Trường đại học An Giang có 10.492 sinh viên với tổng số 216 lớp, Trường cao đẳng nghề có 4.897 sinh viên với 132 lớp,...

Thành phố Long Xuyên là trung tâm du lịch sinh thái trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nằm trên tuyến du lịch sông Mê Kông nối với nước bạn Campuchia. Theo quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1995 - 2010 được phê duyệt theo Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 24/5/1995 thành phố Long Xuyên với di tích quê hương Bác Tôn nói riêng và tỉnh An Giang với các di tích như núi Sập, óc Eo Tri Tôn, Thoại Sơn cùng với Cần Thơ là trung tâm của vùng du lịch Nam Bộ với các sản phẩm đặc trưng của vùng này là du lịch sông nước, du lịch sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Long Xuyên còn là một đô thị có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố nằm ở trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long, ven bờ Tây sông Hậu, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh trên tuyến đường thủy từ thượng nguồn sông Mê Kông ra biển Đông.

Ngày 01/3/1999 Chính phủ đã có Nghị định số 09/NĐ-CP công nhận thành phố là đô thị loại III. Qua 10 năm xây dựng và phát triển thành phố đã có những bước phát triển vượt bậc về mọi mặt: Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2007 đạt 15,48%, trong đó nông nghiệp, thủy sản:

9,02%, công nghiệp, xây dựng: 16,05%, thương mại, dịch vụ: 15,65%; năm 2008 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 16,38%. Cơ cấu kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản: 4,63%, công nghiệp, xây dựng: 25,52%, thương mại, dịch vụ: 69,85%. Thu ngân sách trên địa bàn năm 2007 là 505,367 tỷ đồng, năm 2008 là 618 tỷ đồng. Chi ngân sách địa phương là 184,509 tỷ đồng. Cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư. Tổng vốn đầu tư xã hội đạt 2.050 tỷ đồng. GDP bình quân đầu người đạt 23 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2007 là 3,73%, năm 2008 là 2,6%. Mức tăng dân số trung bình hàng năm là 1,14%.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng tương đối hoàn chỉnh góp phần tạo dựng một đô thị văn minh, hiện đại.

Triển khai Chương trình hành động của UBND tỉnh An Giang về việc thực hiện Nghị quyết 03/NQ/TU ngày 4/12/2006 của Tỉnh ủy An Giang về xây dựng và phát triển thành phố Long Xuyên đến năm 2010, thời gian qua các Sở, Ban ngành của tỉnh và Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Long Xuyên đã tập trung mọi nguồn lực để triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn với tổng vốn đầu tư giai đoạn 2006 - 2010 là 11.910 tỷ đồng trong đó đầu tư hạ tầng kỹ thuật là 7.588 tỷ, hạ tầng xã hội là 4.322 tỷ.

Ngày 25/3/2009, Bộ Xây dựng đã thẩm định Đề án đề nghị công nhận thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn đô thị loại II do UBND tỉnh An Giang đề nghị. Hội đồng thẩm định Bộ Xây dựng đã nghe đại diện UBND thành phố Long Xuyên trình bày Đề án, các báo cáo phản biện và ý kiến của các đại biểu tham dự Hội nghị. Sau khi xét theo các tiêu chí phân loại đô thị, Hội đồng thẩm định đã nhất trí đánh giá thành phố đạt các tiêu chí của đô thị loại II. Trên cơ sở kết quả thẩm định Bộ Xây dựng sẽ đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét công nhận thành phố là đô thị loại II.

Được công nhận là đô thị loại II, thành phố Long Xuyên sẽ có thêm nhiều động lực để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn và tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò chức năng là trung tâm

kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật của tỉnh An Giang, có tác động tích cực thúc đẩy sự phát triển của các vùng phụ cận. Đồng thời đây cũng là nguồn động viên to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân thành phố trong việc góp phần xây

dựng và nâng cấp hệ thống đô thị của vùng, là điều kiện thuận lợi để thành phố tiếp tục phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp.

Huỳnh Phước

## **Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn giai đoạn 2009 - 2020, tầm nhìn đến 2030**

Quyết định số 145/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về phương hướng phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 đã xác định Vân Đồn với chức năng là khu kinh tế tổng hợp, trong đó chú trọng phát triển du lịch sinh thái biển - đảo chất lượng cao, gắn với đầu tư xây dựng sân bay, cảng biển, dịch vụ, có khu chức năng nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp sạch gắn với bảo tồn thiên nhiên.

Theo định hướng này Vân Đồn sẽ là một trong những cửa ngõ tiến ra biển của khu vực Đông Bắc, là một khu kinh tế trọng điểm của Bắc Bộ và khu vực đồng bằng sông Hồng, xa hơn nữa là Tây Bắc của Việt Nam và khu vực Bắc Lào; khu kinh tế nằm trong chiến lược hợp tác phát triển hai hành lang, một vành đai kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc.

Thực hiện quyết định số 120/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ "Về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh", Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tiến hành tổ chức lập Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Đồn (sau đây viết là KKTVD) giai đoạn 2009 - 2020, tầm nhìn đến 2030.

Để có căn cứ lập Quy hoạch chung xây dựng KKTVD, UBND tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức lập Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng KKTVD giai đoạn 2009 - 2020, tầm nhìn đến 2030 với sự tham gia của các tổ chức tư vấn: Tập đoàn Giải pháp toàn cầu Thiên niên kỷ MIGS (Mỹ), Công ty DPZ Pacific (Malaixia) và Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị - nông thôn Bộ Xây dựng.

Ngày 18/2/2009 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 220/2009/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng KKTVD, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 với những nội dung chính như sau:

Xét về tính chất KKTVD là khu kinh tế tổng hợp được vận hành theo quy chế riêng nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh và vùng duyên hải Bắc Bộ, là trung tâm du lịch biển, đảo chất lượng cao, trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí cao cấp, là đầu mối giao thương quốc tế, là một trong những động lực chính để phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; có hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; bảo đảm an ninh quốc phòng khu vực Đông Bắc của Tổ quốc.

Phạm vi nghiên cứu là toàn bộ diện tích KKTVD, bao gồm phần đất liền và mặt biển (thuộc chủ quyền lãnh thổ trên biển của Việt Nam), phía Bắc và phía Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên, huyện Đầm Hà; phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô và vịnh Bắc Bộ; phía Tây giáp thị xã Cẩm Phả, thành phố Hạ Long và vùng Vịnh Hạ Long. Quy mô diện tích: khoảng 2.171,33 km<sup>2</sup>, trong đó diện tích đất tự nhiên 551,33 km<sup>2</sup>, diện tích mặt biển khoảng 1.620 km<sup>2</sup>.

### **Mục tiêu và quan điểm quy hoạch:**

- Quan điểm:

+ Quy hoạch xây dựng KKTVD trở thành một khu kinh tế hiện đại, đồng bộ, bảo đảm phát triển theo các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn. Quy hoạch phải có tính khoa học, kế thừa các quy hoạch đã và đang triển khai trong khu vực.

+ Quy hoạch xây dựng KKTVD phải đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội - chính trị ổn định gắn với an ninh - quốc phòng và phát triển bền vững.

- Mục tiêu:

+ Xây dựng KKTVD thành một khu kinh tế năng động, đầu mối giao thương, tạo động lực phát triển kinh tế cho tỉnh Quảng Ninh, Vùng duyên hải Bắc Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

+ Hình thành các khu du lịch biển, đảo bền vững và chất lượng cao, tạo điểm đến du lịch giải trí vui chơi cao cấp.

+ Tạo môi trường an sinh bền vững, sinh động và chất lượng cao cho người dân trong vùng.

+ Tạo sự liên kết chặt chẽ giữa KKTVD với Khu công nghiệp - Cảng biển Hải Hà, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, TP cửa khẩu Móng Cái, ...

+ Bảo đảm quốc phòng - an ninh xã hội.

+ Làm cơ sở pháp lý để thu hút các nguồn vốn, chuẩn bị đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch, bảo đảm phát triển bền vững.

Việc xác định tiêu chí kinh tế - kỹ thuật chính cần căn cứ vào quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm hiện hành về quy hoạch xây dựng và theo đặc thù là khu kinh tế có tính chất du lịch, dịch vụ sinh thái biển, đảo, khuyến khích tư vấn nghiên cứu, áp dụng các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng phải đảm bảo phù hợp với điều kiện của KKTVD, theo hướng hiện đại, mang tầm quốc tế và được Bộ Xây dựng xem xét, chấp thuận.

Quy hoạch chung tiến hành đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng trong đó phân tích, đánh giá mối liên hệ vùng trong tỉnh Quảng Ninh, Vùng duyên hải Bắc Bộ, trong toàn quốc cũng như các nước trong khu vực, đặc biệt là mối quan hệ với khu vực phía Nam Trung Quốc, các điều kiện tự nhiên, hiện trạng về kinh tế xã hội, đất đai, dân số lao động, hạ tầng kỹ thuật,... của KKTVD đồng thời làm rõ các ưu điểm, hạn chế, tiềm năng và thách thức trong quá trình hình thành, phát triển của KKTVD.

Việc phân khu chức năng được thực hiện trên cơ sở các động lực chính phát triển KKTVD

và bao gồm: Khu du lịch, khu trung tâm tài chính và thương mại quốc tế, trung tâm đầu mối giao thông và hậu cần quốc tế, khu công nghiệp sạch, các khu nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, các khu chức năng khác.

Để xác định định hướng phát triển không gian nhiệm vụ quy hoạch chung đề ra việc nghiên cứu các phương án tổ chức không gian quy hoạch và lựa chọn phương án tối ưu, theo các tiêu chí sau: Bảo đảm tính hiện đại, giàu bản sắc dân tộc, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, hạn chế tối đa tác động đến cảnh quan môi trường; có giải pháp về cơ cấu tổ chức không gian phù hợp với tính chất của KKT; đảm bảo thuận tiện cho các hoạt động giao thông và làm việc trong KKT.

Định hướng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xác định các yếu tố đối với hệ thống giao thông, theo đó hệ thống giao thông cần bảo đảm liên hệ thuận tiện giữa các khu chức năng trong KKTVD gắn kết với hệ thống giao thông của tỉnh Quảng Ninh, quốc gia và quốc tế; dự báo nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hoá và các loại phương tiện giao thông trong KKTVD để xác định quỹ đất xây dựng dành cho các phương tiện giao thông sẽ phát triển trong tương lai, phát triển và tổ chức mạng lưới giao thông vận tải hành khách công cộng hiện đại, các đầu mối chuyển tiếp vận tải giữa đường bộ - đường sắt - đường thủy và hàng không.

Nhiệm vụ quy hoạch chung cũng nêu ra các yêu cầu đối với các nội dung nghiên cứu về thoát nước mưa, cấp điện, cấp nước, thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

Việc đánh giá môi trường chiến lược trong quy hoạch chung được thực hiện với những nội dung sau:

- Triển khai đánh giá môi trường chiến lược đối với các quy hoạch, các dự án, kế hoạch phát triển trong KKTVD theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, bảo đảm giữ gìn môi trường, sinh thái và cảnh quan khu vực, phát triển ổn định, bền vững;

- Đánh giá môi trường chiến lược phải đặt trong mối quan hệ tác động trong tỉnh Quảng Ninh như: Thành phố Hạ Long, Vịnh Hạ Long, thị xã Cẩm Phả, Khu công nghiệp - cảng biển

Hải Hà, huyện đảo Cô Tô, huyện Tiên Yên, Vườn quốc gia Bái Tử Long....

Huỳnh Phước

## **Phân tích sơ lược về Nguyên tắc lựa chọn quyết sách đấu thầu công trình xây dựng của Trung Quốc**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, nhà thầu chủ yếu nhận thầu thông qua phương thức đấu thầu. Tuy nhiên, không phải gói thầu nào nhà thầu cũng tham gia và bắt buộc phải trúng thầu. Để có lựa chọn đúng đắn, nhà thầu phải đưa ra quyết sách đấu thầu chính xác, đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả cao, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

### **I. Hàm ý của quyết sách đấu thầu**

Quyết sách là quá trình con người xác định mục tiêu đồng thời lựa chọn phương án thực hiện. Quyết sách đấu thầu là quá trình nhà thầu lựa chọn, xác định mục tiêu đấu thầu và lập phương án đấu thầu.

Quyết sách đấu thầu trực tiếp ảnh hưởng đến kết quả đấu thầu và hiệu quả gói thầu, ảnh hưởng đến uy tín, tương lai phát triển của doanh nghiệp và lợi ích của công nhân viên doanh nghiệp, thậm chí ảnh hưởng đến vấn đề phát triển kinh tế của đất nước. Vì vậy, ban quyết sách phải nhận thức được tầm quan trọng của quyết sách đấu thầu, phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm của doanh nghiệp.

### **II. Loại hình thầu:**

#### **1. Những gói thầu không nên tham gia**

Các nhà thầu không nên tham gia đấu thầu trong các trường hợp sau:

- Những gói thầu nằm ngoài khả năng chuyên môn của doanh nghiệp;
- Những gói thầu có yêu cầu kỹ thuật và quy mô công trình vượt quá trình độ kỹ thuật chuyên môn của doanh nghiệp;
- Trong bối cảnh doanh nghiệp đang phải đảm nhận nhiều công trình, hơn nữa lợi nhuận thu được từ dự án đấu thầu quá thấp hoặc rủi ro quá cao;
- Trong tình huống trình độ kỹ thuật chuyên

môn, năng lực thi công, uy tín của doanh nghiệp không đủ khả năng cạnh tranh với doanh nghiệp khác;

- Kỹ thuật và thiết bị thi công không phù hợp với yêu cầu của chủ đầu tư đưa ra.

#### **2. Tham gia đấu thầu vì sự sinh tồn của doanh nghiệp**

Nhà thầu báo giá thầu với mục tiêu thoát khỏi nguy cơ uy hiếp sự sinh tồn của doanh nghiệp, bằng mọi biện pháp trúng thầu dự án. Sự thay đổi của môi trường, kinh tế, chính trị, xã hội hay nhà thầu quản lý kinh doanh không tốt đều là những nguyên nhân dẫn đến nguy cơ ảnh hưởng sự sinh tồn của nhà thầu. Biểu hiện đầu tiên của nguy cơ này là số công trình khởi công xây mới giảm, thứ hai, nhà nước điều chỉnh phương hướng đầu tư xây dựng cơ bản khiến số lượng dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn của các nhà thầu giảm, loại nguy cơ này thường gây ảnh hưởng lớn đến các loại hình doanh nghiệp kinh doanh đơn lẻ; thứ ba, nếu nhà thầu quản lý kinh doanh không hiệu quả, hồ sơ mời thầu giảm dần, thì nhà thầu nên tranh thủ bằng mọi biện pháp để dành được gói thầu nhằm duy trì sự sinh tồn của doanh nghiệp, đảm bảo đưa doanh nghiệp vượt qua giai đoạn khó khăn này cho dù lợi nhuận từ gói thầu không cao, thậm chí không có lợi nhuận.

#### **3. Lựa chọn gói thầu mang tính cạnh tranh**

Nhà thầu thông qua phương thức báo giá thầu thấp để cạnh tranh với mục đích mở rộng thị trường. Các nhà thầu trên cơ sở tính toán kỹ giá thành, dự tính mục tiêu báo giá của các doanh nghiệp tham gia cạnh tranh thầu để từ đó đưa ra mức giá bỏ thầu hợp lý, có khả năng cạnh tranh cao. Nếu tình hình kinh doanh của doanh nghiệp không tốt, nhà thầu không nắm chắc mục tiêu đấu thầu, hơn nữa tiềm lực của

đối thủ cạnh tranh mạnh hơn thì doanh nghiệp có thể thử khai thác lĩnh vực thi công mới, đồng thời tham gia đấu thầu các dự án rủi ro thấp, công nghệ thi công đơn giản, lượng công trình lớn và hiệu quả xã hội cao.

4. Tham gia đấu thầu các dự án có mức lợi nhuận cao

Các nhà thầu khi báo giá thầu phải thể hiện hết ưu thế của doanh nghiệp để đảm bảo đạt mục tiêu lợi nhuận cao nhất. Nếu doanh nghiệp đã tạo dựng được ưu thế riêng trên thị trường xây dựng, năng lực thi công mạnh, ít đối thủ cạnh tranh, kỹ thuật thi công tiên tiến đồng thời được chủ đầu tư tín nhiệm, nếu tham gia đấu thầu chỉ nhằm mục đích tạo dựng thêm uy tín, hay các dự án có điều kiện thi công kém, điều kiện chi tiêu gặp nhiều khó khăn, yêu cầu chất lượng công trình cao thì các nhà thầu nên đưa ra mức giá thầu cao để cạnh tranh.

### III. Nguyên tắc lựa chọn quyết sách đấu thầu

Nhà thầu nên cân nhắc lựa chọn dự án tham gia đấu thầu, đặc biệt khi có nhiều dự án, nên cân nhắc nên tham gia gói thầu nào, gói thầu không nên tham gia và quyết sách đấu thầu như thế nào, đây là những yếu tố quan trọng quyết định khả năng trúng thầu và hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp. Vì vậy, quyết sách đấu thầu hết sức quan trọng, cần phải cân nhắc kỹ thiết hơn để từ đó đưa ra quyết sách chính xác. Quyết sách đấu thầu trên thực tế là quyết sách kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, để đưa ra quyết sách đúng đắn cần cân nhắc và tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

#### 1. Tính khả thi của dự án

Khi lựa chọn dự án đấu thầu, trước tiên nhà thầu phải xem xét, nắm vững tình hình thực tế của doanh nghiệp mình để đảm bảo công tác sản xuất ổn định, tránh hiện tượng công nhân không có công việc hoặc chạy theo tiến độ. Doanh nghiệp thầu cần nắm chắc lực lượng thi công, máy móc thiết bị, trình độ kỹ thuật, kinh nghiệm của doanh nghiệp mình để cân nhắc liệu có phù hợp với dự án không, mức lợi nhuận thu được từ dự án là bao nhiêu và có thể đảm bảo

hoàn thành công trình theo đúng tiến độ và đảm bảo về yêu cầu chất lượng hay không.

Thứ hai, doanh nghiệp cần cân nhắc liệu có thể phát huy được sở trường, ưu thế kỹ thuật và ưu thế trang thiết bị của doanh nghiệp mình, đồng thời cũng cần chú ý phát huy thế mạnh, hạn chế những mặt yếu kém và lựa chọn những dự án trong phạm vi sở trường để nâng cao lợi nhuận, tạo dựng uy tín doanh nghiệp. Đặc biệt, doanh nghiệp cần tránh những dự án không thuộc sở trường và thiếu kinh nghiệm thực hiện.

Thứ ba, nhà thầu cần căn cứ vào năng lực kinh tế của đối thủ cạnh tranh và xu hướng báo giá thầu thị trường để từ đó phân tích và dự tính khả năng trúng thầu của doanh nghiệp mình. Đối với những dự án không có khả năng trúng thầu thì nhà thầu không nên tham gia đấu thầu, càng không nên theo thầu để tránh gây ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp, tiến tới ảnh hưởng đến cơ hội trúng thầu trong những dự án đấu thầu sau. Nếu biết rõ không thể cạnh tranh được với đối thủ thì nên rút khỏi cuộc cạnh tranh để giảm thiệt hại không đáng có cho doanh nghiệp.

#### 2. Nguồn tin phải chính xác

Nhà thầu cần nắm được các nguồn tin quan trọng liên quan đến dự án như hồ sơ phê duyệt, kế hoạch xây dựng của nhà nước và địa phương, nguồn vốn đầu tư, tình hình cung ứng vật liệu thiết bị, giai đoạn hoàn thành hồ sơ thiết kế, chất lượng của hồ sơ thiết kế... Ngoài ra, nhà thầu cũng cần nắm được điều kiện kinh tế của chủ đầu tư và các quy định điều khoản trong hợp đồng mà chủ đầu tư đưa ra, mức độ rủi ro của dự án. Các nhà thầu nên sớm chủ động tránh tham gia đấu thầu các dự án lợi nhuận thấp, rủi ro cao và các dự án doanh nghiệp không đủ khả năng đảm nhận, nếu không sẽ gây ra thiệt hại không đáng có cho doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các dự án thầu nước ngoài thì càng phải chú ý những vấn đề nêu trên.

#### 3. Khả năng lợi nhuận của dự án

Lợi nhuận là một trong những mục tiêu quan trọng mà nhà thầu theo đuổi. Lợi nhuận của nhà thầu được đảm bảo vừa có thể đảm bảo thu

nhập tài chính của nhà nước tăng trưởng ổn định theo sự phát triển kinh tế, vừa giúp doanh nghiệp liên tục cải thiện trang thiết bị kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao thu nhập, cho cán bộ công nhân viên doanh nghiệp. Bởi vậy, quyết định tỉ lệ lợi nhuận phù hợp là quyết sách kinh doanh của nhà thầu. Khi lựa chọn tỉ lệ lợi nhuận, nhà thầu cần phân tích tình hình cạnh tranh thực tế, nắm bắt mức độ lợi nhuận của dự án, cân nhắc mục tiêu trước mắt và lâu dài của doanh nghiệp, đồng thời nhà thầu cũng cần chú ý cân bằng giữa lợi nhuận trước mắt và lợi nhuận lâu dài. Trong các dự án thầu trong nước, nhà thầu cần căn cứ vào tình hình cụ thể để điều chỉnh tỉ lệ lợi nhuận phù hợp. Trong các gói thầu có mức độ cạnh tranh cao, để trúng thầu, nhà thầu có thể lựa chọn tỉ lệ lợi nhuận thấp hơn so với kế hoạch lợi nhuận của doanh nghiệp, trong quá trình thi công, nếu nhà thầu quản lý tốt nội bộ doanh nghiệp thì tỉ lệ lợi nhuận thực tế thu về có thể sẽ cao hơn kế hoạch lợi nhuận của doanh nghiệp.

#### 4. Cần thận trọng trong khâu lựa chọn thầu

Mỗi lần tham gia đấu thầu, nhà thầu phải bỏ ra không ít nhân lực và tiền của. Nếu trúng thầu mới có thể tính đến vấn đề lợi nhuận. Đặc biệt trong tình hình có ít dự án xây dựng, cạnh tranh kịch liệt, nhiều nhà thầu đã phải giảm giá, giảm bớt lợi nhuận để mong giành được dự án. Các nhà thầu nên thận trọng trong việc lựa chọn gói thầu, trừ trường hợp bất đắc dĩ còn không quyết không nhận các gói thầu thi công thua lỗ.

#### 5. Phải biết tùy cơ ứng biến

Trong một số tình huống cấp bách, nhà thầu nên linh hoạt áp dụng các biện pháp, chiến lược phù hợp. Ví dụ như, doanh nghiệp muốn mở rộng thị trường, tạo dựng chỗ đứng riêng trên thị trường xây dựng khu vực, nên khi chủ đầu tư không đủ vốn cấp cho dự án, nhà thầu nên dựa vào nguyên tắc đóng góp cho lợi ích cộng đồng, nhanh chóng khai thông công trình đường đang thi công dở dang, sau khi thoả thuận với chủ đầu tư, nhà thầu sẽ bỏ vốn để tiếp tục triển khai dự án theo đúng tiến độ. Hành động này có lợi cho việc nâng cao uy tín của doanh nghiệp,

đồng thời mang lại hiệu quả xã hội rất lớn, mang lại cơ hội trúng các gói thầu thi công sau này cho doanh nghiệp.

#### 6. Năng lực của nội bộ doanh nghiệp

Khi lựa chọn dự án đấu thầu, nhà thầu cũng cần cân nhắc kỹ đến nhiều tố khác nữa như đặc điểm của nhân viên kỹ thuật và công nhân của doanh nghiệp, khả năng đầu tư máy móc thiết bị cho dự án, năng lực thiết kế thi công, trình độ công nghệ kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý đối với các công trình cùng loại, khả năng chiến thắng đối thủ, sức ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với khu vực xây dựng dự án sau khi trúng thầu, khả năng quay vòng vốn.

Để đưa ra quyết sách chính xác, các doanh nghiệp cần thu thập thông tin từ nhiều nguồn và phải “biết mình biết ta”. Đối với các gói thầu có nhiều khó khăn, mức độ rủi ro cao, thiếu vốn và công trình thi công theo mô hình tách rời giữa khảo sát, thiết kế và thi công thì cần cân nhắc chủ động loại bỏ, nếu không sẽ khiến doanh nghiệp rơi vào khó khăn như chậm tiến độ, vượt dự toán, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp

Hơn nữa, khi quyết định tham gia đấu thầu, doanh nghiệp cũng cần dự tính trước thực lực, ưu thế của đối thủ cạnh tranh và ưu nhược điểm của hoàn cảnh, điều kiện đấu thầu. Thực tế, thực lực của đối thủ càng mạnh, tình hình cạnh tranh càng mạnh thì ảnh hưởng càng lớn đến khả năng trúng thầu.

Nói chung, việc nhà thầu có nên hay không nên quyết định tham gia đấu thầu còn phải cân nhắc nhiều yếu tố, phải tiến hành điều tra, cập nhật thông tin và hệ thống tài liệu liên quan, đồng thời phân tích toàn diện mới có thể đảm bảo đưa ra quyết sách chính xác nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro, đảm bảo doanh nghiệp đạt lợi nhuận cao nhất.

**Thẩm Đôn Thăng**

***Nguồn: Tạp chí xây dựng TQ số 20/2008***

***ND: Hoàng Hải***



# HỘI THẢO QUỐC GIA

## CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

Hà Nội ngày 28/3/2009



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân phát biểu chỉ đạo Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo